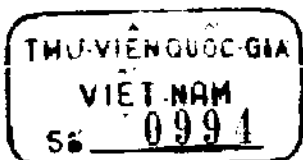


TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH
LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

VAI TRÒ CHÁNH ĐẢNG
TRONG CÔNG CUỘC
ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ
TẠI VIỆT NAM CỘNG HOÀ



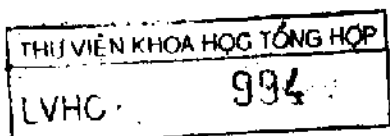
Giáo-sư hướng-dẫn :

HOÀNG-XUÂN-HÀO

Tiến-sĩ Công-pháp

Nghị-sĩ Chủ-tịch

Ủy-ban Tư-pháp Định-chế Thượng-viện



TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Không lán-thành cũng không phản-đối những ý-kiến
phát-biểu trong Luận-văn. Những ý kiến do đó Tác-
giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm.

CHÂN THÀNH CẢM Ạ

GIÁO SƯ HOÀNG XUÂN HÀO
Tiến sĩ công pháp

Đã tận tâm hướng dẫn chúng tôi
hoàn thành luận văn này

THÀNH KÍNH GHI ƠN

- Giáo sư Viện Trưởng
Trường Quốc Gia Hành Chánh
- Giáo sư Phó Viện Trưởng
Trường Quốc Gia Hành Chánh
- Quý Vị Giáo Sư trong Ban Giảng Huấn
lớp Đốc Sự Hành Chánh Khóa XIX
Trường Quốc Gia Hành Chánh

ĐÃ TẬN TÌNH HƯỚNG DẪN CHÚNG TÔI
TRONG SUỐT HỌC TRÌNH 1971 - 1974

KÍNH DÂNG BA MÁ

MỤC LỤC

DẪN-NHẬP

trang

I. ĐẶT VẤN ĐỀ CĂN NGUYÊN CHÍNH-TRỊ CỦA CUỘC CHIẾN. . .	1
II. GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI VÀ ĐẶT RA NHỮNG VẤN ĐỀ MÀ LUẬN VĂN PHẢI GIẢI QUYẾT	ii
III. GIỚI HẠN ĐỀ TÀI	iii
IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	v
V. GIỚI THIỆU BỐ CỤC LUẬN VĂN.	v

Phần thứ nhất

CHÁNH ĐẢNG VIỆT NAM TRONG VAI TRÒ CHỐNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG DÂN CHỦ

Chương I. CHÁNH ĐẢNG VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CHỐNG CỘNG

Tiết 1. <u>Chiến tranh chính trị của Cộng sản</u>	1
Mục 1. Nguyên tắc chỉ đạo chiến tranh tại miền Nam	2
Mục 2 Bộ máy chiến tranh chính trị của Cộng-sản	5
Mục 3 Diễn tiến đấu tranh của Cộng-sản	7
Tiết 2. <u>Chiến Tranh Chính Trị của Đảng Phái Quốc-Giá.</u>	10
I. Quan niệm về Cộng sản	10
II. Đường lối đấu tranh	12
III. Diễn tiến đấu tranh	13

Kết luận chương I

Chương II. <u>CHÁNH ĐẢNG VÀ VAI TRÒ XÂY DỰNG DÂN CHỦ</u>	17
Tiết I. <u>Pháp chế chi phối đảng phái</u>	18

Tiết II. DIỄN TRÌNH XÂY DỰNG DÂN CHỦ 25
I. Đệ nhất Cộng-Hòa 26
II. THỜI KỲ chuyển tiếp 31
III. Từ 1967 đến nay 34

Kết luận chương II

Chương III NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG KHI THỰC HIỆN VAI TRÒ 42

Tiết I NHỮNG TRỞ NGẠI NỘI TẠI 42
I. Khả năng tuyên vận yếu kém 42
II. Sự thiếu hụt tài chính 46
III. Kỷ luật đảng lỏng lẻo 47

Tiết II NHỮNG TRỞ NGẠI NGOẠI LẠI
I. Phương diện pháp lý 48
II. Thiệt chí của chính quyền 49
III. Sự phớt lờ của bạn và thù 50

Kết luận phần I

Phần thứ Hai

XÂY DỰNG MỘT HỆ THỐNG ĐẢNG PHẢI ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐẤU TRÁNH CHÍNH TRỊ

Chương I. XÂY DỰNG VÀ PHỔ QUÁT HOÁ QUAN NIỆM
Tiết I. Chủ nghĩa Quốc-Gia 53
Tiết II. Quan niệm về Đối lập 56

Kết luận chương I

Chương II. MỘT CHÁNH ĐẢNG VỮNG MẠNH
Tiết I. Mô thức đảng phái cho Việt Nam 50
Tiết II. Thành tố cấu tạo thực lực 64

Kết luận phần II

TỔNG LUẬN

- I. Một qui chế chánh đảng thời nhén khó khăn
về một thực tại do đảng bệnh hoạn75
- II. Vai trò chánh đảng trong tương lai77

Thư-Tịch

DẪN NHẬP

Từ sau Hiệp-Định Paris, vấn đề đấu tranh chính trị với Cộng-sản và xây dựng một miền Nam tự-do đã được nhiều người đề xướng. Trong khung cảnh đó, vai trò chánh đảng đã được đề cập đến bằng các đề nghị kết hợp chánh đảng trên thực tế và sửa đổi các văn kiện pháp lý. Nhưng những đề nghị này thường chống đối nhau tạo nên một sự tranh luận dai dẳng. Như vậy, thiết tưởng, khảo sát các chánh đảng và vai trò đấu tranh chính trị bằng phương pháp phân tích khoa học cũng có thể mang lại một vài hữu ích nhỏ trong việc xây dựng một hệ thống chánh đảng đáp ứng với nhu cầu đất nước đòi hỏi.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ CĂN-NGUYÊN CHÍNH-TRỊ CỦA CUỘC CHIẾN VIỆT-NAM

Cho đến năm 1945, với cuộc chiến tranh giành độc-lập của toàn thể dân-tộc, sự khác biệt về chính-kiến không được đặt nặng cho lắm giữa các phong-trào khởi nghĩa, vì tất cả các chiến-sĩ cách-mạng Việt-Nam bấy giờ luôn đặt nặng hình ảnh kẻ thù chung là thực dân Pháp. Vì vậy đôi khi người ta thấy có sự 'liên minh' giữa các chánh đảng Quốc-Gia và Mác-xít vì nhu cầu của giai đoạn. Hơn nữa nguyên nhân sâu xa khác là vì các chánh đảng chưa hành sử chính quyền nên những dị biệt về chủ nghĩa không có cơ hội khai triển.

Những khác biệt này chỉ thực sự xảy ra bằng sự phản bội của đảng Cộng-sản trong khi tiếp thu các cơ sở hành-chánh tại Hà-Nội và việc bắt cóc thủ tiêu các đảng viên Quốc-gia trong Quốc-Hội Lập-Hiến đầu tiên của Việt-Nam(1).

(1) Nguyễn Văn Tường: 'Gác Định-Chế Chánh-Trị Việt-Nam'
Giảng văn Ban Đốc sự HVQGHC 1971.

Sau Hiệp-định Genève 1954, trên thực-tế, một quốc-gia Việt - Nam ở Bắc vĩ-tuyến 17 xây dựng cơ cấu theo lý-thuyết Xã-hội chủ-nghĩa trong khi miền Nam vĩ-tuyến là một quốc-gia theo cơ-chế tự-do. Hai hình ảnh tương-khác này là nguyên nhân sâu xa còn nguyên nhân gần của cuộc chiến Việt-Nam hiện tại bắt - nguồn từ âm mưu 'chiếu cố miền Nam' của Cộng-đảng miền Bắc. Người ta có thể nhận thấy âm mưu này thể hiện qua bài nói chuyện của Hồ-Chí-Minh trước Đại-Hội Đảng Lao-Động lần thứ ba vào tháng 9/1960, Ông nhấn mạnh tới 'nhu cầu một cuộc cách-mạng dân-tộc dân-chủ miền Nam', tiếp theo là việc công-khai hợp thức hoá 'Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam' như một cơ-quan lãnh-đạo quần-chúng đấu-tranh cho ý đồ Cộng-sản.

Hai hình ảnh quốc-gia Việt-Nam, một bên là ý muốn trưởng thành chính-trị trong thể chế tự-do, bên khác là phát-triển , bành-trướng chủ-nghĩa xã-hội. Sự xung-khác này là căn nguyên chính-trị của cuộc chiến tranh ý-thức-hệ kéo dài cho tới ngày nay.

Trong trận chiến mang nặng màu sắc chính-trị như vậy thì phe nào nêu cao được chính-nghĩa, thu hút được nhân tâm thì phe đó nắm chắc được phần thắng. Nghĩa là mặt-trận chính-trị là mặt trận quyết định cho sự thắng bại. Với hình-thái đấu tranh này, phương tiện hữu-hiệu nhất là phương-tiện chính-trị. Như vậy, chính-đảng phải đóng vai trò gì để bảo-vệ và xây-dựng chế-độ Tự-do ?

II. GIỚI-THIỆU ĐỀ-TÀI VÀ ĐẶT RA NHỮNG VẤN-ĐỀ LUẬN-VẤN PHẢI GIẢI-QUYẾT

Trong khung cảnh trên, chính đảng phải thực-hiện hai vai trò:

1. Vai trò đấu-tranh chính-trị với cộng-sản.

2. Vai trò đấu-tranh chính-trị xây dựng dân-chủ.

Trước trách-vụ phải đương đầu với một kẻ thù Cộng-sản sấn-võ-trang giáo-quyết và những cừu địch trì trệ Dân-chủ vô hình, chính-đảng đã đóng góp ra sao và phải có một khung cảnh cùng phương tiện gì để hoàn thành hai vai trò trên. Trả lời câu hỏi này là nội-dung của luận-văn mà chúng tôi phải xây dựng.

a. Tính cách mới mẻ của đề-tài:

Hiệp-định Paris 1973 là động lực mạnh-mẽ để hối thúc người Quốc-gia phải chuẩn-bị tranh giành ảnh hưởng với Cộng-sản trên mặt trận chính-trị, nhất là những đòi hỏi mà phe Cộng-sản thường rêu rao trên bàn Hội-nghị (La Celle Saint Cloud) là vấn đề thực thi Dân-chủ tại miền Nam, nên khi nêu vấn đề vai-trò chính-đảng trong công-cuộc đấu-tranh chính-trị là đáp ứng được tính-cách mới mẻ này.

b. Tính cách thiết-thực của đề-tài:

Trong khi nghiên cứu vấn-đề, chúng tôi mong mỗi luận-văn này sẽ đưa đến một số dữ-kiện thiết-thực trong việc đề-nghị xây-dựng một hệ thống chính-đảng hợp-lý, hoàn chỉnh, và được vai trò lịch-sử đã treo phỏ

c. Tính cách quan-trọng của đề-tài:

Sự tồn-tại của chế-độ Dân-chủ là một mối ưu tư lớn cho người yêu chuộng Tự-do. Như vậy, đấu-tranh chính-trị với Cộng-sản, hay ngay cả đối với những người quốc-gia, chính-đảng đều nhằm mục-đích giữ vững và xây-dựng chế-độ Dân-chủ tại miền Nam này. Nghiên-cứu vấn đề đấu-tranh chính-trị cũng mong mỗi góp phần vào mục-đích quan-trọng đó.

Trong chiều hướng ước mong mang lại ba lợi ích trên chúng tôi cố gắng xây-dựng một giải-pháp toàn bộ cho vai trò

chính-đảng dựa trên phương pháp khoa-học và chịu một số giới hạn về đối-tượng, không-gian và thời-gian.

III. GIỚI-HẠN ĐỀ-TÀI

Đề-tài được nghiên-cứu trong các giới-hạn sau đây:

a. Giới-hạn về đối-tượng nghiên-cứu:

Chúng tôi nghiên-cứu đề tài nhằm đáp ứng cho các chính-đảng có một mục-tiêu chính-trị rõ rệt, mục-tiêu chính-trị này phải nhằm xây dựng một chủ nghĩa trong cơ chế Dân-chủ Tự-do. Vai-trò này không thể đáp ứng cho các đảng Cộng-sản hay thiên Cộng.

Ngoài những đảng-phái hoạt-động hợp-pháp, hiện nay còn nhiều chính-đảng hoạt-động trong bóng tối. Vì tính cách bí mật của tổ chức nên chúng tôi không thể đi sâu hơn vào loại đảng-phái thứ hai do những khó khăn trong việc thu thập tài-liệu.

b. Giới-hạn về không-gian:

Khung cảnh nghiên-cứu ở đây là Việt-Nam Cộng-Hòa và những chính-đảng hoạt-động trong đó. Các hệ-phái của các đảng phái kỳ cựu nếu còn ở lại miền Bắc, chúng tôi cũng không thể đề cập đến vì sự thiếu thốn tài-liệu.

c. Giới-hạn về thời-gian:

Vai-trò đấu-tranh chính-trị chỉ thực sự phát hiện từ khi có Ba-mươi chiều cổ miền Nam được phát động (1960) do đó chúng tôi giới-hạn thời-gian nghiên-cứu từ độ nhất Cộng-hòa đến nay.

Mặc dù có các giới-hạn trên, vì cần có một khái niệm về diễn-trình chính-đảng tại Việt-nam nên khi nhắc qua lược sử Chúa-đảng chúng tôi tạm vượt các giới-hạn trên.

IV. PHƯƠNG-PHÁP NGHIÊN-CỨU

Trong khi nghiên-sứu đề-tài, chúng tôi đã áp dụng phương-pháp khoa-học xã-hội, bằng cách sưu-tầm, tập-trung, phân-tích và phán-đoán để khai-thác những thành-quả. Đồng thời chúng tôi cũng phối-hợp với phương-pháp chính-trị học vì vấn-đề nghiên-cứu ở đây là một vấn đề chính-trị, nó đã mang sẵn 'động tính' và cần được khảo-sát cặn-kẻ các tương-quan giao-hỗ giữa những lực-lượng chính-trị. Phương-pháp này bao gồm việc khảo sát thực-nghiệm, phân-tích lịch sử và suy-luận triết-học. Trong khuôn-khố khảo-sát thực nghiệm, chúng tôi cố-gắng thực hiện những cuộc phỏng-vấn, trực-tiếp hay bằng bảng câu-hỏi, quan-sát thực tế để cố-gắng thấu hoạc được những thành-quả trung- thực.

Chúng tôi cũng đã gặp phải một số khó khăn trong khi nghiên-cứu như sau:

- Sự biến-đổi các định-chế nháp-ly làm thay đổi tình-trạng thực tế các đảng phái một cách nhanh chóng. Mặt khác, các chánh-đảng trong giai-đoạn kết-hợp để hội đủ điều-kiện hợp thức hoá nên các tài-liệu sưu-tầm được thường lỗi thời nhanh chóng.

- Thói quen giữ bí mật nội-bộ của các chánh-đảng và việc phô-trương khuếch đại uy thế thực sự của họ là hai trở ngại đáng kể trong khi sưu-tầm những con số thực sự của các đảng-phái.

- Những tài-liệu về Cộng-sản thường có tính cách bí mật quân-sự nên rất khó thu lượm đầy đủ.

V. GIỚI-THIỆU BỐ-CỤC LUẬN-VĂN

Luận-văn được xây-dựng thành hai phần:

Chính-đảng Việt-Nam trong công cuộc đấu-tranh
chính-trị

Chương 1: Vai-trò đấu-tranh chính-trị chống Cộng

Chương 2: Vai trò xây dựng Dân-chủ

Chương 3: Những trở ngại

+ Phần 2

Xây-dựng một hệ-thống chính-đảng đáp ứng nhu cầu
đấu-tranh chính-trị

Chương 1: Đặt lại một số quan-niệm căn-bản

Chương 2: Lành-mạnh-hoá hệ-thống chính-đảng.

PHẦN THỨ NHẤT

CHIẾN ĐẢNG VIỆT NAM
TRONG CÔNG CUỘC ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ

CỘNG SẢN

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Trong cuộc chiến Việt-Nam hiện nay, Cộng sản mệnh danh là cuộc chiến tranh giải-phóng, đã triệt để sử dụng phương tiện chính trị để lôi kéo tâm thắng lợi trong địa bàn nhân dân thì miền Nam tự do cũng không thể lơ là trên địa hạt này. Do đó, VNCH cần có một Bộ máy chiến tranh chính trị thật hữu hiệu để tranh thủ quần chúng. Bộ máy đấu tranh mà chúng tôi muốn đề cập ở đây chính là chính đảng. Một công cụ chính trị sắc bén tự nó có sẵn hậu thuẫn quần chúng, chính đảng sẽ đóng vai trò này một cách thích ứng để tiếp tay với Chính-quyền hướng dẫn nhân dân trên mặt trận chính-trị.

Khảo sát về chính đảng với vai trò đấu tranh chính trị chống Cộng-sản, chúng tôi lần lượt trình bày thành ba tiết:

- chiến tranh chính trị của Cộng sản
- chiến tranh chính trị chống Cộng của các đảng phái QG.
- Những trở ngại trong khi thực hiện hai vai trò này.

Tiết I. CHIẾN TRANH CHÍNH TRỊ CỦA CỘNG-SẢN TẠI MIỀN NAM

Cộng-sản đã lấy dụng sự nghiệp đấu tranh chính trị theo lời dạy của Tổ sư Engels: 'Hãy nghệ thuật hoá đường lối bạo động, sự nghệ thuật hoá này luôn luôn dựa trên một căn bản vững chắc', đó là chủ trương của Cộng-sản. Đấu tranh chính trị được các Cộng Đảng trọng dụng trong kế hoạch thống trị thế giới, lấy duy vậy biện chứng là cơ sở lý thuyết chính trị, cách mạng thế giới làm mục tiêu chiến lược, giai cấp đấu tranh làm cơ sở tranh đấu và tuyên truyền là vũ khí thực hiện. Tổ chức Cộng sản đe dọa thường trực thế giới bằng các hành động xâm nhập

khủng-bô, bạo-động, phá hoại và du-kích chiến.

MỤC I: NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO CHIẾN-TRANH CHÍNH-TẠI

áp dụng biện-chúng pháp để khai-triển mâu thuẫn giai-cấp, Cộng-Sản dùng bạo-lực để thao túng quần chúng và dùng quần chúng để phục-vụ mục-tiêu Cộng-Sản.

A.- ĐẤU TRANH GIAI CẤP

Cộng-Sản quan niệm đấu tranh chính-trị là hình thức chủ yếu của đấu tranh giai cấp. Trong tuyên ngôn Cộng-Sản 1848, Marx đã chia xã-hội ra hai giai cấp đối nghịch nhau là tư bản và vô sản. Marx nhận-định hai giai cấp này không thể chung sống hoà hợp nhau được và tiên-đoán giai cấp vô sản bị bóc lột sẽ đấu tranh thường trực với giai cấp tư sản bóc lột.(1). Mâu-thuẩn này càng ngày sẽ càng trầm trọng, cuối cùng không tránh khỏi bùng nổ và cách mạng bạo động sẽ xảy ra.

Cộng-Sản đảm nhận vai trò lãnh-đạo giai-cấp vô-sản để tiêu diệt giai-cấp tư-bản trong cuộc cách-mạng vô-sản thế-giới.

B.- CÁCH MẠNG ĐẢNG ĐẠO LỰC.

Tinh thần đấu tranh của quần chúng chỉ là một phương-tiện làm cho tình thế chín mùi, dứt điểm sẽ là một cuộc cách-mạng bằng bạo lực. Vấn đề căn bản của mỗi cuộc cách mạng là chính quyền. Muốn giành được chính quyền, giai-cấp vô-sản và đảng theo chủ-nghĩa Marx-Lenin phải dùng bạo lực cách mạng đập tan bộ máy nhà nước của giai-cấp tư sản thiết-lập nên chuyên-chính vô-sản! (...)

(1) Karl Marx, Engels. 'Tuyên-ngôn của đảng Cộng-Sản' tuyển-tập nhà xuất bản Sự Thật, Hà-Nội, 1962, t.1, tr 10.

Lenin nhấn mạnh: 'nhà nước tư-sản không thêm đường chỗ cho nhà nước vô sản (chuyên-chính vô-sản) bằng con đường tự tiêu vong được mà theo quy-luật chung thì chỉ có thể bằng một cuộc cách-mạng bạo-lực thôi' (1).

C.- MỤC-TIÊU CÁCH-MẠNG THẾ-GIỚI.

Muốn tạo dựng một nền chuyên chính vô sản thế giới, Lenin đề ra chiến lược 'Cách mạng thế giới'. Tư tưởng cách mạng thế giới của Lenin bắt nguồn từ lý-luận giai-cấp đấu-tranh, kiến-trúc xã-hội và tính thể chính-trị của Marx, phối-hợp với phương-pháp chỉ-đạo chiến-tranh của Clausewitz. Trotsky đã định nghĩa: 'Cách-mạng là một tác-động cao siêu của lịch-sử' (2).

Mâu-thuẫn giữa tư-sản và vô-sản phải được giải-quyết bằng cách-mạng xã-hội, mâu-thuẫn giữa quần-chúng và chế-độ phong-kiến đưa tới cách-mạng dân-chủ và mâu-thuẫn giữa thuộc-địa với đế-quốc phải được giải-quyết bằng chiến-tranh cách-mạng. Do đó, các nguyên-tắc về chiến-tranh cách-mạng, chiến-tranh giải-phóng, chiến-tranh nhân-dân với những đặc-tính trường-kỳ, toàn-diện sẽ được phát-động toàn thế-giới và yếu-tố nhân-dân được Cộng-đảng triệt-để khai-thác.

(1) Lenin : Tuyển tập nhà xuất-bản Sự Thật, Hà-Nội, Q. 11, tr. 151

(2) Nghiêm-xuân-Hồng, 'Cách-mạng và hành-động', Saigon, nhà xuất-bản

D. PHƯƠNG THỨC ĐẤU TRANH :

I/ Sách lược giai đoạn của Trotsky.

Phương pháp đấu tranh của Cộng sản biến hóa tùy theo môi trường thích ứng của mỗi giai đoạn, mỗi nơi, mỗi thời, mỗi cách. Nhưng t theo nhiều chuyên viên nghiên cứu về Cộng sản đã nhận định về sách lược chiếm chính quyền được Trotsky phân ra 5 giai đoạn và diễn qua 2 hình thức: Đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp.

1/ Hình thức đấu tranh hợp pháp :

- Giai đoạn tuyên truyền sách động, kết nạp phần tử bất mãn xây dựng hạ tầng cơ sở bí mật.

- Giai đoạn gây tình trạng cách mạng khuynh tả, tạo không khí hỗn loạn, đe dọa khủng bố, sách động tình công biểu tình cổ tranh thủ để xâm nhập vào các cơ quan then chốt công quyền.

2/ Hình thức đấu tranh bất hợp pháp :

- Giai đoạn mở rộng tuyên truyền và khủng bố, lập căn cứ địa, phát động du kích chiến.

- Giai đoạn khởi loạn, bành trướng căn cứ địa, lập khu giải phóng, lập chính phủ và giới ngoại giao đi ngoại quốc, tổ chức nền hành c chánh song hành với nền hành chánh quốc gia.

- Giai đoạn tổng công kích, tổ chức tổng bãi công, tổng bãi thị, bãi khóa, biểu tình và chiếm những địa điểm chiến lược quan hệ đời s sống đô thị để thành lập chính phủ thân cộng. Đây là trường hợp Việt cộng đã áp dụng vào dịp Tết Mậu Thân 1968 và bị thảm bại nặng nề.

II/ Cách mạng thoái trào (Reflux de la revolution)

Khi gặp tình trạng sa sút, không thuận lợi, Cộng sản áp dụng chủ trương lùi hai bước tiến một bước. Trường hợp này mệnh danh là cách mạng thoái trào và áp dụng các chiến thuật hòa bình trung lập

liên-hiệp (1) nhằm phân tán tan rã ý chí chiến đấu địch, tăng cường ý chí chiến đấu của Cộng-Sản, tri hoãn sức chiến đấu của địch để đợi thời cơ thuận lợi cho Cộng-Sản, phân-hóa hàng ngũ địch kết-hợp chắc chắn lực lượng Cộng-Sản và che đậy âm mưu bố trí cuộc tấn công bằng võ lực trong thời gian sắp tới.

Để nguy trang cho hành vi xâm lược và biện minh cho cuộc chiến, nhất là về những hành động bạo-lực, Cộng-Sản đưa ra những chiêu bài thật kêu và thật hấp dẫn. Nguyên-lý chính-danh (legitimacy) đã được Cộng-Sản phổ vào chiêu bài của cuộc chiến như 'Cách mạng miền nam', giải phóng dân tộc, 'đánh đuổi lý nguy' hồng lôi cuốn và che mắt quần-chúng.

MỤC II.- BỘ MÁY CHIẾN-TRANH CHÍNH-TRỊ CỦA CỘNG-SẢN.

Bộ máy chiến-tranh chính-trị của Cộng-Sản tại miền nam chịu hệ thống chỉ huy của đảng Cộng-Sản miền Bắc, được chia thành bộ phận lãnh-đạo và cơ phận hoạt động trực-tiếp với quần chúng.

Bộ phận lãnh đạo có thể kể là Trung Ương Cục Miền-Nam (bí số R), đảng Nhân Dân Cách Mạng, Mặt-Trận Giải-Phóng Miền-

(1) '... chủ trương hoà-bình, trung-lập do đảng ta đề nghị hoàn toàn khác hẳn với chủ trương trung-lập của ^{chủ} nghĩa tư-bản. Đến trung-lập của chúng ta là một hình-thức đấu tranh và là một phần của cách-mạng vô-sản quốc-tê. Vậy trong thực-tê không có trung-lập nhưng chỉ là sự chọn phe xã-hội và sự quyết tâm đánh bại đế-quốc, đặc biệt đế-quốc Mỹ...'

tài liệu đảng nhân-dân cách-mạng, Bộ Nội-Vụ VNCH phổ biến: 'âm mưu xâm lăng miền nam Việt-Nam của Cộng-Sản', Tài-liệu huấn-luyện chính-trị

Nam và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt-Nam. Mặc dầu có bốn tổ chức như vậy nhưng trên thực tế vai trò lãnh đạo thực tại nằm trong tay trung ương cục Miền Nam đặt dưới sự thống thuộc trực tiếp của Trung ương đảng lao động Miền Bắc. Còn các tổ chức khác như đảng nhân Dân Cách mạng, chính phủ cách mạng lâm thời được thành lập do những sách lược giai đoạn của Cộng sản. Một tài liệu của đảng Lao Động miền Bắc nói về sự thành lập của Đảng viên cách mạng như sau : "Sự tạo dựng của đảng Nhân dân cách mạng là chiến lược cần thiết đòi hỏi phải có bên trong đảng và đẩy lùi địch. Đảng mới này phải duy trì bề ngoài một sự phân biệt với đảng Lao động để cho địch không thể lợi dụng nó để tuyên truyền ... Bên trong đảng cần giải thích rằng dự thành lập đảng nhân dân cách mạng có mục đích cô lập hóa bọn Mỹ Diệm và chống lại những lời tố cáo rằng Miền Bắc xâm lăng miền Nam..." (1). Sự kiện này đã minh chứng hùng hồn sự lừa bịp của Cộng sản trong việc khai sinh ra những tổ chức của họ.

Bộ phận thi hành gồm có một hệ thống các tổ chức tuyên huấn xây dựng song song với tổ chức hành chính. Trung ương cục miền Nam có các ban tuyên huấn vùng, ban tuyên văn Giáo Huyện, ban Tuyên Văn Giáo Xã và tổ Tuyên Văn Giáo ấp. Được tổ chức theo mô hình Kim Tự Tháp mà đỉnh là trung ương cục miền Nam. Các ban tuyên huấn tùy từng cấp mà tổng số cán bộ thay đổi, như ở cấp vùng con số này có thể lên đến 6.000 cán bộ.

Dựa trên một chính sách tổng quát, việc ổn định từ miền Bắc vĩ tuyến 17, bộ máy đấu tranh chính trị của Cộng sản đã xây dựng sự nghiệp trên xương máu của nhiều người dân vô tội miền Nam. Lịch

(1) Võ Trường Sơn; "Mười năm chiến tranh, một cuộc trắc nghiệm" tập san quốc phòng (Saigon : số 20 tháng 2/72).

sử đấu tranh chính trị của Cộng sản tại miền Nam mang nặng hình ảnh sắc m
máu.

MỤC III.- DIỄN TIẾN ĐẤU TRANH CHÍNH-TRỊ CỦA CỘNG-SẢN

Sau Hiệp Định Genève 1954, công cuộc đấu tranh chính trị đã được r
ngầm tổ chức và tiếp diễn từ việc vận động quần chúng đòi Tổng Tuyển cử
, nhưng không thoả mãn yêu sách. Việt Cộng xoay qua hình thức sách động
quần chúng đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang và đấu tranh binh địch
vận theo chiến thuật ba mặt giáp công để tiến tới Tổng Khởi nghĩa. Thất bại
trong cuộc Tổng nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân, hạ tầng cơ sở bị lộ diện và
phá vỡ nhiều nơi. Cộng-sản phải thay đổi đường lối theo phương thức đánh
và đàm. Hiệp Định Paris 1973 ký kết, hình thái chiến tranh sau đó vẫn là
đánh và đàm nhưng chính-trị vận được chú trọng hơn để khoả lấp những vi
phạm quân sự theo chiến thuật vết dầy loang, chờ đợi một thắng lợi

a. Giai đoạn đấu tranh chính trị chủ động (1954-1960)

Theo Hiệp Định Genève 1954 đã định một cuộc tổng tuyển cử sau h
hai năm ký kết để nhân dân hai miền cùng lựa chọn chế độ chính trị thích
hợp vì vậy, Cộng Sản một mặt cho cán bộ tập kết Miền Bắc mặt khác cho
ngồi ở lại nằm vùng đợi thời cơ thuận lợi. Ngày 19/5/55 Thủ-Tướng Bắc-
Việt Phạm-Văn-Đồng gửi thư cho Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm Đề nghị hiệp-
thương Tổng-Tuyển-cử nhưng bị bác bỏ gián tiếp bằng những điều kiện mà
miền Bắc không thể thi hành. Do đó, Cộng-Sản đã ngầm ngầm cho các cơ sở
nằm vùng tuyên truyền chống Chánh phủ miền Nam và sách động dân chúng
đòi Tổng-Tuyển-cử, gửi thư cho Ủy hội Quốc tế để đưa Yêu sách trên.

Trong khoảng thời gian từ 19/6/1960, Cộng sản cho

cho hồi-sinh các tổ-chức và tái lập cơ sở chiến-tranh để chuẩn bị thực hiện âm mưu 'chiếu cố miền nam của Cộng Lăng miền Bắc.

D.- Giai-đoạn chiến-tranh chánh-trị song hành chiến-tranh quân-sự (1960-1965)

Cộng-Sản đã liên tiếp ban hành những chiến dịch ' phá kim kẹp' hạ sát hàng loạt Xã Trưởng Trưởng ấp, bắt đầu phát động chiến tranh vũ trang song hành với đấu tranh chánh trị.

Từ Miền Bắc nhiều tiểu đoàn Cộng Sản đã được bí mật xâm nhập Miền Nam để đương đầu với Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Sự ra đời của Mặt-Trận Giải-Phóng Miền-Nam tiếp theo là Lăng Nhân Dân Cách Mạng nhằm đẩy mạnh âm mưu thôn tính miền nam của Cộng-Sản. Trong khi ấy thì chính phủ Lê-Nhất Cộng-Hòa càng ngày càng bị cô lập vì mất hậu thuẫn nhân dân càng đi sâu vào chế độ độc tài .

Cách-Mạng 1/11/1953 đập đổ chế độ Cộng-Hòa, những xáo trộn chính-trị sau đó làm cho uy quyền quốc gia bị suy sụp nặng nề. Việt-cộng cướp thời cơ phát triển đấu-tranh chánh-trị trực diện từ nông thôn đến thành thị. Cuối năm 1964 Miền Nam lọt sâu vào quỹ đạo chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân của Cộng-Sản.

C.- Giai-đoạn tổng-công-kích tổng khởi nghĩa 1965-1968

Cộng Sản đẩy mạnh chiến-tranh vũ-trang trên toàn quốc lây nông thôn bao vây thành thị và phát động phương thức đặc-công khùng-bô trong các thành phố lớn để áp đảo tinh thần quân chúng. Việc Hoa Kỳ đổ bộ quân đội vào Miền Nam vào ngày 6/3/65 và nhiều tiểu đoàn khác tục rải đều trên lãnh thổ VNCH sau đó đã làm nghiêng cán cân quân sự về phía quốc gia. Mặc dầu ở trong thế cầm cự, Cộng-Sản đã liều lĩnh phát động tổng-công-kích vào dịp Tết Mậu-Thân trên nhiều tỉnh và thành phố lớn hầu

tạo cơ-hội cho một cuộc tổng-khởi-nghiã của dân chúng để cướp chánh quyền. Nhưng chúng đã thất bại vì cuộc tổng-khởi-nghiã mà chúng chờ đợi đã không xảy ra, làm cho cơ sở hạ tầng bị lộ diện tại nhiều nơi và bị tiêu diệt.

D.- Giai-đoạn chiến-tranh yếm-trợ hòa-đàm.

Thất bại trong việc tổng công kích, tinh thần cán binh, cán bộ Cộng-Sản xuống dốc thê thảm (căn cứ vào nhịp độ hồi chánh vào năm 1969 của cán binh Cộng Sản) Miền Bắc lại bị không tập ào ạt và áp lực của dư luận hòa-bình quốc-tê nên tháng 11/1969 cộng-sản chịu ngồi vào bàn hòa đàm Paris với một hy-vọng chiến thắng quân-sự đã tìm lợi thế trong giải-pháp chính-trị.

Chiến-pháp này vẫn nằm trong đường lối phối hợp chính trị và quân sự nhưng với phạm vi mở rộng trên chính trường quốc tế đồng thời nghệ-thuật đấu-tranh được thích ứng theo 'tình huống mới' (1)

Đám sát vào phong-trào tranh đấu của sinh-viên học-sinh phê-bình, tôn-giáo nhưng cộng-sản không đạt được thành quả như ý. Ngày 20/3/72 cộng-sản công khai vượt vĩ-tuyên tấn công Quảng-Trị và một số địa điểm ven biên mưu tạo thắng lợi để làm vốn trả giá tại bàn hội-ngị. Ở nông-thôn, các cán-bộ cộng-sản cũng được chỉ-thị đẩy mạnh công-tác đánh dân lần đất vì hòa-đàm sắp đến giai-đoạn kết-thúc.

Ngày 17.1.1973, hiệp-định Paris đã được các phe lâm chiến ký kết, theo sau là một cuộc hiệp-thương giữa Chính-Phủ VNCH và NIGEM để ấn-định chi-tiết các cơ-chế chính-trị tương-lai. Đến nay, chưa có một giải pháp cụ-thể thành hình nên tiếng súng chưa dứt trên các mặt trận, Cộng sản vẫn cố-gắng lần từng tấc đất mong tạo uy-thế yếm-trợ việc hiệp-thương tại La Celle Saint Cloud.

(1) Nghị-quyết số : tháng 7/69 của Trung-ương cục miền Nam, t.1 Bộ Nội-vụ.

TÌM TÌM TẬP-THỂ CHÍNH-ĐẢNG CỦA CÁC CHÍNH-ĐẢNG QUỐC-GIA.

I.- Quan-niệm của chính-đảng đối với Cộng-Sản trong cộng-đồng-quốc-gia:

Đối với các chính-đảng quốc-gia, Cộng sản được quan niệm như một tập-thể luôn luôn tìm cách hành-trường thế lực bằng mọi hình thức, trong đó việc sử-dụng vũ trang là một hình thức chính yếu. Cộng-Sản gieo rắc các hình-thái chiến-tranh nhân-dân, chiến-tranh du-kích chiến-tranh cách-mạng trên toàn-thế-giới, đe dọa sự ổn cố chính-trị của các quốc-gia. Trong cộng-đồng quốc-gia Việt-Nam Cộng-Sản như một tập thể luôn tìm cách xây dựng ách thống-trị chuyên-chê và độc-tài, do đó, tổ chức này là một 'chướng ngại vật to lớn nhất' trên đường xây-dựng dân-chủ và phát-triển quốc-gia (1). Vì vậy, chính-đảng quốc-gia nhận-định rằng 'cuộc đấu-tranh của dân-tộc trong suốt thời-kỳ ngoại thuộc cũn như các thập niên vừa qua, trước hết là một cuộc đấu tranh cho lý-tưởng dân-chủ tự-do chống lại mọi hình thức thống-trị, chuyên-chê, độc-tài (2) mà Cộng-Sản là một phần tử trong các hình thức đó.

Trong tập thể các chính-đảng quốc gia hiện nay, không kể các đảng bài cách-mạng vì các chính-đảng này đã có thái-độ chống cộng quyết liệt nhưng không đưa lên mục-độ mục-tiêu chính-đảng, Đảng Dân-Chủ được coi như một chính-đảng có lập-trường chống cộng cực-đoan nhất, vai trò chống cộng đã được đảng này khai-triển rộng rãi để huấn luyện quần chúng và nhất là các đảng viên. Việc chống cộng được ghi vào các văn kiện căn bản của đảng như tuyên-ngôn, chính-cương ... Đảng này đã

(1) Tài-liệu nội-bộ Đảng Dân-Chủ: t.1 II, đoạn III, 'chống cộng', tr.65

(2) 'Tuyên Ngôn Dân-Chủ Hoà- bình và Thực-Hành' của Liên-Minh ĐOÀN ngày 11/5/73.

xác định vai trò chống Cộng vì những lý do sau đây (1):

- 'Chủ-nghĩa ác-xít phủ nhận mọi giá trị nhân bản và truyền-thống dân-tộc.

- 'Chế độ Cộng-Sản là một chế-độ độc tài toàn diện dựa trên bạo-lực và khủng-bố.

- 'Tập-đoàn thông-trị thế-giới Cộng-Sản là một bè lũ đại bịp chỉ giả nhân giả nghĩa để thôn tính các dân tộc, để nô lệ hoá và bán cùng hoá con người về mọi phương diện'.

Lỗi với Liên-Linh Dân-Chủ Xã-Hội, lập-trường chống cộng mềm dẻo hơn, tư tưởng này bằng-bạc trong các quan niệm 'chống lại mọi hình thức xâm lược, hành trạng thế lực bằng chiến-tranh', nhận định về sự thất bại của chủ-nghĩa xã-hội như việc 'che đậy một cách vụng về một nền độc-tài đang-bại tại miền bắc', 'những qui-luật sùng thờ con người và cộng đồng lên trên những qui luật kinh-tê vốn đã bị chi phối bởi những thế lực vật-chất phi-luân'. người ta cũng nhận thấy sự chống cộng còn được tiến án trong lập trường chánh trị của các chánh đảng khác như đảng Tự-Do, đảng Cộng-Hòa...

Sự dị biệt về việc phổ biến chủ-trương chống cộng giữa đảng Dân-Chủ và các đảng phái khác cũng là một điều dễ hiểu. Bởi vì ở vị thế hành sử chánh quyền, một chánh quyền đang phải đương đầu với chiến-tranh vũ-trang và chánh-trị của Cộng-Sản, đảng Dân-Chủ đã quyết liệt bày tỏ lập trường chống cộng của mình coi như những nguyên tắc chỉ đạo cuộc chiến-tranh tự-vệ. Những nguyên-tắc này được khai triển như quan niệm về chánh nghĩa của quốc-gia. trong khi các chánh đảng khác

(1) ' lý do thành-lập và mục-tiêu đảng Dân Chủ' tr II, đoạn III: chống cộng, tài liệu huấn-luyện đảng Dân-Chủ, tr 65.

như Liên-đỉnh Dân-Chủ Xã-Hội chủ trương mềm dẻo trong lập-trường chống cộng cũng vì thế của chánh đảng này đang ở ngoài chánh-quyền, ở tư thế đối lập và có triển-vọng trở thành một khối thứ ba trong việc hòa giải và hòa hợp dân tộc khi cơ chế chánh-trị trong Hiệp-định Paris được thỏa thuận thi hành. Tư thế này các chánh đảng đối lập phải cố tạo ra cho mình ít ra trên hình thức, chứ nếu xét về thành tố cấu tạo các đảng phái ấy thì thật sự là những chánh đảng có lập-trường chống cộng vững chắc dựa trên lý do là hậu thân của đảng cách mạng hay được sự yểm trợ của các tôn giáo chống cộng cực đoan. Người ta còn cho rằng, giả sử các chánh đảng đối lập trong vị thế đảng Dân-Chủ hiện tại cũng khó mà có một lập trường khác biệt nhiều với đảng này.

II.- Đường lối chống Cộng của các đảng hải quốc-gia

Trong tài-liệu nội bộ đảng Dân-Chủ, đảng này đã minh định đường lối chống cộng qua các phương thức toàn dân chống cộng, toàn diện chống cộng, hòa giải và hòa hợp dân tộc, hợp tác quốc tế vì hòa bình tự-do và thịnh vượng chung.

- Toàn dân chống cộng được coi như một sức mạnh vô địch để tranh thắng cộng sản. Trong công-kuộc này, 'chánh-đảng quốc-gia là một lực-lượng tiên-phương và nòng cốt trong việc động viên sức mạnh vô địch của toàn dân đó.

- Mặt-trận chống cộng được quan niệm như một mặt trận đa diện bao gồm các lãnh vực quân sự, văn hóa, chánh trị, ngoại giao, xã-hội.... Đó là phương thức 'toàn diện chống cộng'.

- Toàn dân và toàn diện chống cộng không bao hàm một chủ-trương sắt máu, đảng còn kêu gọi sự hợp tác của lực lượng đối ng nghịch trong việc tham gia thành tâm và tích cực: một cuộc tổng-tuyên-

cử không có sự can thiệp của bạo-lực để thực-thi tinh-thần hòa-giải và hòa hợp dân-tộc.

- Nguyên-tắc thứ tư là hợp-tác quốc-tê vì hoà-bình, tự-do và thịnh-vượng chung. Sự hợp-tác này nhằm tạo một thể liên-lập giữa các quốc-gia cùng một chiến tuyến chống lại Cộng-Sản.

Điêng đối với các chánh đảng khác, đường lối chống cộng không được đại-cương hóa mà chỉ được quan niệm như một sách lược giai đoạn, chi tiết hóa bằng những thủ thuật chính trị, ngay cả những chánh đảng cách mạng kỳ cựu cũng thế. Thật ra, đây là một điều đáng chê trách đối với các chánh đảng quốc-gia, vì đã chấp nhận chống cộng trong nhiều năm qua mà vẫn chưa xây dựng được một đường lối chống cộng rõ-ràng.

III.- Tiến-tiến đấu-tranh chính-trị chống cộng của các đảng phái quốc-gia:

Thế chiến thứ hai kết thúc, chánh đảng quốc-gia đã bỏ lơ một cơ hội quan trọng trong việc tiếp thu nhiệm vụ từ tay quân đội Nhật. Nhận-dụng về sự việc này một chính trị gia đã viết:

Chính thức tranh-đấu tuy cao, nhưng tư tưởng lãnh đạo kiến thức mơ hồ, kỹ thuật thô sơ các nhà lãnh tụ đảng phái đã tỏ ra rút rè lưỡng lự, rút cục để Cộng-Sản nắm lấy chính quyền và đành rất vai trò lãnh đạo kháng-chiến nghĩa là cuộc rất chính-quĩ quốc gia (1).

Điều làm lỗi tai hại đó có thể coi như nguyên nhân chính làm cho lãnh thổ bị qua phân và các đảng phái quốc gia đều đứng. Theo lẽ thuận, các đảng phái quốc gia phải lãnh-đạo kháng-chiến

(1) Đặng-văn-Sung, Chính chế hóa Do... (viên hiến p...)
-(QPLH: 1967) tr 185.

để các phần tử ái quốc gia nhập các đảng phái quốc-gia. Nhưng các chính đảng quốc-gia đã để mất chính-nghĩa thì tự nhiên phải mất ảnh hưởng với nhân dân. Trong tình huống đó, các chính đảng đảng phái phải giữ thái độ tiêu cực, trùمان bất động.

Lúc ấy, cũng có một số chính đảng quốc-gia chống cộng cực đoan như Việt-Nam Quốc-Dân Đảng, Đại-Việt Quốc-Dân Đảng, Hòa-Hào, Thiên-Chúa-Giáo nhưng lập trường chống cộng không được xây dựng trên một chủ nghĩa quốc-gia vững chắc 'trừ đảng Đại-Việt với chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tôn nhưng cũng chưa được phổ quát toàn diện vào quan niệm sống' Do đó, đã khiến cho các cán-bộ đảng phái quốc gia không có một lý-luận vững chắc làm cho vai trò đấu-tranh chính-trị chống cộng-sản không được hữu hiệu.

Sau Hiệp-Định Genève 1954, các chính đảng cách mạng quốc-gia di cư vào Nam. Nhưng chế độ độc tài Ngô-Đình-Diệm cũng không dung nạp sinh-hoạt đảng phái dân-chủ. Trước tình thế 'trên đe dưới búa' các đảng phái vừa chống cộng vừa chống độc tài phải tự giải tán hay rút vào hoạt-động bí mật, xây dựng các chiến-khu như Đả-Lông, Tam Ngãi để rồi chia sự truy lùng gắt gao của nhà cầm quyền bấy giờ. Trong suốt thời kỳ Lệ I Cộng-Hòa, đảng phái đã không tập hợp nổi để thực thi vai trò chống cộng của mình.

Sau Cách Mạng 1/11/63, hầu không khí sinh hoạt chính-trị với vẻ cởi mở, các đảng phái đã hoạt động công khai trở lại để bắt đầu xây dựng từ khởi điểm. Nhưng tiếc rằng việc xây dựng một học-thuyết quốc-gia, diễn chế tư tưởng cũng không được các chính đảng lưu tâm. Vì vậy, khi nói đến công cuộc chống cộng của các đảng phái trong giai đoạn này hầu như có một sự trống vắng.

Cho đến nay, việc đóng góp của chánh đảng vào công cuộc chống cộng mặc dù có tính cách khiêm nhượng nhưng cũng có thể kể một vài hoạt động cụ thể, như trong thời gian cộng-sản vượt vĩ tuyến 17 theo sự công-bô của đảng Đại-Việt thì đảng này bị thiệt hại khoảng 5.000 đảng viên khi chống lại cộng-sản xâm lăng. Đảng Việt-Quốc cũng cho biết tương-tự. Sự chính xác của các con số này không lấy gì làm bảo đảm cho lắm nhưng người ta cũng phải công nhận rằng từ khi có cuộc xâm lăng quy mô của cộng-sản Bắc-Việt các đảng phái quốc gia đã đồng loạt lên án hành động xâm lăng này, cùng thành lập Mặt Trận Nhân Dân Chống Cộng-Sản Xâm Lăng để chứng tỏ cho dư luận quốc-tê thấy rằng các đoàn thể chính-trị miền Nam chống đối lại chính-quyền không có nghĩa là có xu hướng Cộng-Sản, mà trái lại, còn chống cộng kịch-liệt. Ngoài ra, các chánh đảng cách mạng chống cộng cực đoan còn lập ra những bộ đội võ trang để chống lại Cộng-Sản như Đại-Việt, Việt-Quốc và gần đây là Hòa-Hòa với Tổng Đoàn Báo An. Phong Trào Quốc-Gia Cấp Tiên cũng đưa nhiều cán bộ có khả năng đi khắp các tỉnh để giải thích lập trường quốc-gia và vạch trần các âm mưu của Cộng-Sản.

Sự nổi bật của đảng Cộng-Sản trong những năm gần đây cũng chứng tỏ việc quyết tâm chống cộng của các chính-trị gia miền Nam. Là rằng trong vai trò đảng cầm quyền, đảng Dân-Chủ cũng thổi được một luồng sinh khí trong các trào đấu tranh chính-trị chống Cộng-Sản cho tập thể đảng phái quốc-gia. Sau ngày ký kết Hiệp Định Paris một mặt trận đã được thành lập: Mặt-Trận Nhân-Dân Tranh-Thủ Hoà-Ảnh và Quyền Dân-Tộc Tự-Quyết, chứng tỏ cho thế-giới thấy sự quyết tâm chống cộng và lòng yêu chuộng hòa-bình của nhân-dân miền-Nam cùng xoá bỏ thành-kiên sai lầm chỉ có Cộng-Sản là đòi hỏi hòa-bình còn quốc-gia là kẻ hiếu chiến.

Kết-luận chương I:

Kết lại quá trình đấu-tranh giữa đảng phái quốc-gia và Cộng-Sản, khách quan mà nhận xét, các chính đảng chưa đáp ứng đúng mức vai trò chống cộng đòi hỏi. Thành-qua các lực-lượng này còn khiêm nhường không phải vì chủ thuyết Mác-Lít quá hấp dẫn cũng không phải vì cán bộ Cộng-Sản giỏi tuyên truyền, mà lý do chính là ở tình trạng thấp kém về ý thức chính-trị của nhân dân miền nam nói chung, các đảng viên nói riêng. Thực vậy, đa số quần chúng thường e-dè trước các vấn đề chính-trị, thái độ này đã gián tiếp giúp đỡ các cán bộ Cộng-Sản thao túng trên lãnh vực tuyên vận với các lập luận xuyên tạc.

Tình trạng e ngại và bất tham gia đó bắt nguồn từ sự chậm phát triển sinh hoạt chính-trị, tự do dân chủ. Trên phương diện phát triển sinh hoạt chính-trị, chính đảng còn có vai trò như một thành phần xây-dựng dân-chủ. Khảo sát vai trò này là nội dung của chương kế tiếp.

CHÍNH ĐẢNG VÀ VAI TRÒ XÂY DỰNG NHÀ CHỨC.

Chánh đảng ngày nay đã trở thành một định chế chính-trị quen thuộc tại hầu hết các quốc-gia chậm tiến hay tiên tiến, dân chủ hay độc tài. Vì guồng máy công quyền càng ngày càng phức tạp, nên văn minh nhân loại đã được đại chúng hóa, nhà cầm quyền luôn phải đối diện với những vấn đề khó khăn. Như vậy, với một ít người cầm quyền thì thật là khó giải quyết được toàn hảo các vấn đề khó khăn phức tạp ấy. Lúc đó chánh đảng sẽ đứng ra trợ lực với chính-quyền trong việc huy động quần chúng để giải quyết các vấn đề quốc-gia. Vì vậy, tại các quốc-gia hiện nay dù dân-chủ hay độc-tài đều phải có chánh đảng mới thành công. Tại các quốc gia dân chủ tự do, chánh đảng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng dân-chủ và tại các quốc-gia độc-tài chánh đảng sẽ trợ lực với nhà cầm quyền để làm độc-tài như tại các quốc-gia cộng-sản, quốc-lã, hát-xít...

Hiện tại tại Việt-an, quyết tâm xây dựng chế-độ theo thể chế dân chủ đã nhiều lần được tuyên dương và hiến pháp 1960 cũng được soạn thảo theo ý chí chung đó. Hơn nữa, vì đã theo đuổi cuộc chiến đấu chống độc tài Cộng-Sản trên 20 năm, rất nhiều tiên của và xương máu nên nguyên tắc dân chủ được coi như gắn liền với chính nghĩa quốc-gia vì không thể nào quan niệm được rằng chống một chế độ độc-tài mà tự-do này để xây dựng một chế độ độc-tài mà tự-do khác. Bởi đó, nếu thiết lập một chế độ độc-tài thì miền nam này không còn chính-nghĩa trong việc chiến đấu chống cộng nữa.

Khảo-sát vai trò chánh đảng trong việc xây dựng dân-chủ chúng tôi xin phát họa sơ lược qua 2 tiết.

tiết I: Pháp-chế chi-phối chánh-đảng

tiết II: Đấu-tranh chính-trị xây-dựng dân-chủ.

TIẾT I: PHÁP-CHẾ CHI-PHỐI CHÁNH-ĐẢNG

ĐOẠN A. - SỰ TRƯỞNG NHẬN NHẬN CHẾ CHÁNH ĐẢNG VÀ ĐỐI LẬP
CHÍNH ĐẢNG TRONG HIẾN-THÁP I 57.

Vai trò chánh đảng trong thể chế dân-chủ đã được các Dân-Đại-Quốc-Hội Lập Hiến thảo luận rất nhiều hầu cố gắng đặt một nền tảng pháp lý cao cấp để bảo vệ và điều hướng hoạt động đảng phái.

Thuyết-trình-viên Nguyễn-Văn-Thất trước Quốc-Hội Lập Hiến đã viết:

'... Muốn huy động toàn dân một cách hữu hiệu trong cuộc tranh đấu chung cho quyền lợi chung của đất nước, chính quyền phải dựa vào tổ chức chánh đảng. Là muốn cho sự cạnh tranh giữa những người tích cực hoạt động để giành lấy chính quyền có tính cách tổ chức và tránh khỏi sự xung-đột vô trật tự đưa đến hỗn loạn và bạo động, người ta cũng phải qua trung gian chánh đảng...'

'... Nhìn qua thế giới chúng ta có thể nhận thấy rằng những quốc gia có một đời sống nội bộ ổn định là những quốc-gia có những chánh đảng tổ chức thật chắc chắn và đặt được những cơ sở trong quần chúng...'

'... Muốn xây dựng một chế độ dân-chủ ổn định và hữu hiệu, chúng ta không thể nào không đề cập đến vai tướng chánh đảng...' (1)

Ngoài việc công nhận tầm quan trọng của chánh đảng trong sinh hoạt chính trị quốc-gia Quốc-Hội Lập Hiến còn đòi hỏi phải tuân

(1) Nguyễn Văn Thất, 'Chánh đảng' thuyết trình viên Hiến Pháp (QHLP 57 tr119)

nhận sự định chế hóa đối lập chính trị. Cuối cùng chính đảng đã được các nhà lập Hiến công nhận cần được định chế hóa và mô thức phát triển trong tương lai là mô thức lưỡng đảng 'vĩ kinh nghiệm dân chủ trên quốc tế đã chứng minh rõ ràng, bất cứ là chế độ đại nghị hay Tổng-Thống, chỉ một hệ thống hai đảng lớn là có thể bảo đảm và duy trì tình cách bình ổn của chế độ'(1)

Từ những nhận định này, lần đầu tiên, Hiến Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa đã đặt nền tảng pháp lý và công nhận vai trò chính đảng trong sinh hoạt chính-trị:

Điều 91: 1. Quốc-gia công nhận chính đảng giữ vai trò thiết yếu trong chế độ dân chủ.

2. Chính đảng được tự do thành lập và hoạt động theo các thể thức và điều kiện luật định.

Điều 100: Quốc-gia khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng.

Điều 101: Quốc-gia công nhận sự định chế hóa đối lập chính trị.

Điều 102: Bộ luật sẽ ấn định qui chế chính đảng và đối lập chính trị

PHẦN I: QUI CHẾ CHÍNH ĐẢNG.

Qui-chế chính đảng Việt-Nam được công bố vào ngày 19/6/61 theo luật số 63/61 và sửa đổi bằng các Sắc-Luật số 312/17/SLu ngày 16/1/72, 060-TT/SLu ngày 27/12/72 và luật 02/74 ngày 15/1/74. Tất cả các văn kiện này nhằm mục đích ổn định sinh hoạt chính-trường và mở đường cho việc thực hiện chế-độ lưỡng-đảng như Hiến-Pháp

(1) Đặng-văn-Sung, 'Định Chế Hóa Đối Lập', thuyết-trình-viên Hiến-Pháp (SĐL:1:67) tr 115.

đã ghi. Việc làm phát đảng phái cũng là một vấn đề mà những người soạn thảo qui chế muốn sớm giải quyết. Trong khi đó, người ta thấy có 2 khuynh hướng lựa chọn giải pháp:

Một khuynh hướng quan niệm rằng sinh hoạt đảng phái không bị gò bó trong một khuôn khổ nhất định nào - nhất là sự tập hợp các chính đảng - mà phải do sự trưởng thành chính trị bằng các phương thức tuyển cử; sự tập hợp này sẽ đạt đến một con số vừa phải qua thời gian.(1)

Trái lại, khuynh hướng khác thì nhận thấy nên có một nội qui chế chính đảng với những ràng buộc cần thiết về điều kiện để giới hạn việc làm phát chính đảng.

Mặc dù được xây dựng và sửa đổi liên tiếp bằng những văn kiện pháp lý đã dẫn nhưng qui chế chính đảng Việt-Nam hiện nay còn nhiều sơ hở về việc quy định điều kiện về nhân số, đảng bộ và sự kiểm soát của chính quyền. Những khuyết điểm này là trở trở sự phát triển và tạo phương tiện cho chính-quyền kiểm chế đảng phái.

Trong khuôn khổ giới hạn của luận văn chúng tôi xin trình bày thật sơ lược qui chế chính đảng và phân tích một cách khoa học các khuyết điểm của qui chế này.

Qui chế chính đảng có 3 phần chính:

1.- Giai đoạn thành lập

Sự thành lập chính đảng được phát khởi bằng thủ tục khai báo. Người sáng lập phải khai các chi tiết như điều lệ, danh xưng tôn chỉ, mục đích của đảng, lý lịch của các sáng lập viên và nhân viên

(1) Trần thị hồi Trần, Lược Lược chính-Trị, Chính Đảng (Saigon: 72)

Ban Chấp hành Trung Ương (phải hội đủ các điều kiện về tuổi tác, quốc tịch và hạnh kiểm). Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ Bộ Nội Vụ phải cấp phải lại cho người khai báo, nếu không, đương sự có quyền khởi tố trước Tối Cao Pháp Viện để xin tiêu hủy quyết định từ khước đó.

.- Giai đoạn hợp thức hóa.

Sau một thời gian hoạt động là 24 tháng (Luật số 2/74) kể từ ngày được cấp phải lại, chính đảng phải hội đủ các điều kiện sau đây:

- Phải có ít nhất 1/2 số Tỉnh Thị Bộ trên tổng số Tỉnh Thị Xã toàn quốc (trong đó bắt buộc phải có Bộ Thành Bộ). Ở Bộ Tỉnh Thị Bộ phải có ít nhất 1/4 Phường Xã Bộ trên tổng số Phường Xã trong Bộ Tỉnh Thị Xã ấy.

- Số đảng viên của mỗi Bộ Tỉnh Thị Bộ ít nhất phải bằng 1/20 tổng số cử tri tại Bộ Tỉnh Thị Bộ liên hệ (tính theo danh sách cử tri của kỳ bầu cử Hạ Nghị Viện gần nhất).

- Đảng viên trong chức vụ Ban Chấp hành cấp Bộ cũng phải hội đủ những điều kiện về tuổi tác quốc tịch và hạnh kiểm như nhân viên Ban-Chấp-hành trung-ương.

Nếu không hội đủ những điều kiện trên đây, chính đảng coi như đương nhiên giải tán sau khi quá hạn kỳ 24 tháng kể trên. Ngược lại, nếu đạt được các chỉ tiêu này Bộ Nội Vụ phải hợp thức hóa bằng một nghị định khi được thông báo.

Từ lúc ấy, chính-đảng có tính cách pháp nhân, có quyền hành sự tư cách đó như các pháp nhân tư pháp khác, thụ hưởng đầy đủ các đặc quyền dành cho một đảng phải chính-thức như quyền có một cơ quan ngôn luận chính thức, quyền hội họp thường hay bất thường.

quyền giới thiệu các ứng cử viên trong các kỳ bầu cử Quốc Hội.

C.- Sự kiểm soát và giải tán.

Sự kiểm soát của chính quyền qua các hình thức như kiểm nhận danh sách đảng viên khi họp thức hóa, qua các báo cáo về thay đổi cư trú thay đổi thành phần ban chấp hành, trụ sở đảng... Ngoài ra, sự kiểm soát này còn lan rộng qua các cuộc lục soát trụ sở đảng (phán quyết của Tối Cao Pháp Viện đối với trụ sở trung ương và lệnh Điện Lý Cuộc đối với các trụ sở cấp Bộ)

Chánh đảng có thể bị giải tán trong 3 trường hợp:

1- Tự ý giải tán theo nội qui hay điều lệ của đảng

và sau 24 tháng hoạt động không hội đủ điều kiện để họp thức hóa.

2- Trong phiên giải tán.

- Vì không còn hội đủ điều kiện về đảng viên sau khi họp thức hoá nữa.

- Không để cử/viên ^{hoạt} trong các kỳ bầu cử.

- Không đạt được 1/5 tổng số Dân Tiểu hay 20% tổng số cử tri trong kỳ bầu cử Tổng Thống và Thượng Hội Viện

3.- Bố buộc giải tán chánh đảng bị bố buộc giải tán

nếu có chủ trương và hành động chống lại chánh thể VNCH, sự giải tán này được tuyên bố bằng một phán quyết của Tối Cao Pháp Viện.

Các vi phạm về qui chế chánh đảng sẽ bị chế tài bằng hình phạt tiền hay hình phạt giam hoặc cả hai.

PHẦN C.- PHÁP LIỆ VỚI QUI CHẾ CHÁNH ĐẢNG

Qui chế chánh đảng hiện nay có ưu điểm lớn

là đặt đảng phái vào một địa vị xứng đáng trong sinh hoạt chính trị quốc gia. Nhưng bên cạnh ưu điểm đó, khuyết điểm cũng không phải là nhỏ nhất là các điều kiện về hợp thức hoá quá khắc khe trong khi phạm vi ảnh hưởng của chính quyền đối với chánh đảng còn không rộng.

A. Điều kiện hợp thức hoá: Điều kiện để hợp-thức-hóa đòi hỏi phải có số Bồ Tĩnh Thị Lộ là 27 đảng bộ và số lượng đảng viên tối thiểu (chiết tính trung bình) là 177.154 đảng viên (1). Đây là con số quá lớn so với điều kiện củ do luật 001/71 qui định (500 đảng viên moi Bồ Tĩnh Thị Lộ, ít nhất 10 Bồ Tĩnh Thị Lộ) ít nhất là 5.000 đảng viên. Thật là khó mà đạt được con số do Sắc luật 060 ấn định. Cho nên, sau một năm ban hành chỉ có một chánh đảng duy nhất được hợp thức hoá đó là đảng Liên Chủ. Điều này không đáng làm lạ vì Tổng Thống đương nhiệm là Chủ-Tịch Đảng nên đảng Liên Chủ đã có đầy đủ phương tiện để kết nạp đảng viên bằng mọi kỹ thuật kể cả các kỹ thuật đã áp dụng thời Bộ I Cộng Hòa. Trước tình thế đó thời gian hoạt động cần thiết để được hợp thức hóa đã được Quốc Hội sửa đổi thành 24 tháng do luật 02/71 thay vì 12 tháng như cũ (sắc luật 060-IT/SLU). Trở lại những điều kiện của sắc luật 060, sự khắc khe của nó nhất là việc hiện diện duy nhất một đảng hà nước nên nhiều chính trị gia đã chống đối kịch liệt sắc luật này (2).

Giáo Sư Nguyễn-Gọc-Duy trong đảng-văn số 83/IT/71 ngày 4/1/73 gửi cho Chủ-Tịch Tỉnh Thị Lộ trong Trào Quốc-Gia Cấp-Tiền

(1) Tài liệu NHV, tổng số cử tri bầu cử Hạ Nghị Viện 1971: 7.006.146.

(2) Tác Chính Luận: Ông là Thúc Ký khởi tố trước Tối Cao Pháp Viện để xin tiêu hủy sắc-luật 060-IT/SLU vì vi hiến. Nhưng đến nay chưa có một phán-quyết nhất định về việc trên.

đề nghị khắc lên ấn chính quyền

Qua nội dung của sắc luật 060 ngày 27/12/72 với những điều kiện qui định khe khắc trong lịch sử chính trị của bất cứ chế độ nào, nhà cầm quyền VNCH ngày nay đã để lộ hẳn ý đồ muốn tiêu diệt các đảng phái và giành độc quyền làm chính-trị cho nhà nước bằng những thủ đoạn bất chính!

Tuy vậy, chúng ta không thể phủ nhận được rằng sắc luật này có điểm tiên bộ là bắt buộc tất cả các ứng cử viên Dân Biểu Nghị Sĩ phải được một đảng đã được hợp thức hóa giới thiệu. Một điểm tiên bộ khác là ấn định tỷ lệ tối thiểu một chánh đảng phải có trong tổng số Dân Biểu Hạ Nghị Viện và tỷ lệ cử tri tín nhiệm trong kỳ bầu cử Thượng-Nghị-Viện và Tổng-Thống. Tuy nhiên, tỷ lệ trong sắc luật 060 đã tỏ ra quá khe khắc vì ngay ở Tây Đức, nơi mà dân chúng đã có trình độ ý thức chính trị khá cao, tỷ lệ đó chỉ lý 5% thay vì 20% như tại nước ta(1).

Ngoài ra, sắc luật 060 cũng thiếu sót không ràng buộc các Dân Biểu Nghị Sĩ phải trung thành với các chánh đảng của mình sau khi đắc cử, như điều 31 Hiến Pháp lại vẫn bắt buộc các Dân Biểu nêu rồi bỏ đảng tịch coi như đương nhiên từ chức. Sự qui định này rất cần thiết nhằm giúp các đảng phái duy trì kỷ luật đảng.

Đề nghị định về biện pháp kiểm soát.

Điều 5 luật 001/69 cho phép chính quyền không thừa nhận những đảng phái nêu trong thành phần sáng lập hoạt ban chấp hành

(1) Trần-thị-Hoài-Trên, ^{lưu} 'Các/Lượng Chính-Trị, Chính-Sáng' (Saigon 72) tr 251.

trung ương có phần tử Cộng Sản hoạt có hành vi thân cộng. Điều này trên nguyên-tắc không có gì trở ngại, nhưng trên thực tế, tính cách mơ hồ của danh từ đã có thể giúp chính quyền chụp mũ các đảng phái đối lập.

Việc bó buộc phải khai báo danh sách đảng viên cũng là một chương ngại tâm lý về phía quân chúng, ít ai dám gia nhập chính đảng nhất là đảng đối lập. Mặt khác, các đảng cách mạng vừa ra hoạt động công khai cũng còn e dè trước nhà cầm quyền nhất là khi phải khai báo danh tánh đảng viên của họ. Trước đây, có một số Dân Tiểu Nghị Sĩ đề nghị dành quyền này cho tòa án và tòa sẽ xét nhận bằng văn thư tới Bộ Nội Vụ về việc nội đủ nhân số của đảng. Nhưng tiết rằng giải pháp này đã không được Quốc Hội chấp thuận.

Sau cùng, sự sửa đổi của sắc luật 012 ngày 16/1/72 về việc kiểm soát các trụ sở cấp bộ của đảng phái chỉ còn lện của Biện Lý Cuộc thay vì Tòa án. Đây cũng là một sự gia tăng quyền kiểm soát của nhà cầm quyền đối với chính đảng vì Biện Lý Cuộc là một cơ quan thuộc hành pháp.

TÌM TÌM:--DẪN TÀI H XÂY DỰNG CHỦ CHỮ CÁC CHÁNH ĐẢNG.

Sau khi Hiệp Định Genève 1954 ký kết, tất cả các đảng phái quốc gia qui tụ về iên Nam nhưm, cũng bắt đầu từ đây, chính đảng phải tranh đấu để xây dựng một chế độ dân-chủ trong chính sách hợp hòa gặt gao về chính trị của chế độ độc nhất Cộng-Hoa.

Tổng-thống Ngô-Dình-Niệm sau khi đã bình định các nhóm vũ trang quấy ra đàng áp các đảng phái chính trị (tiêu diệt chiến khu Ta Long của Đại Việt và chiến khu Nam Ngãi của Việt-Quốc). Việc

thanh toán các đảng phái đối lập nằm trong mục tiêu chung loại trừ các nhóm chính-trị ly tâm đối nghịch để thi hành chính sách độc-đảng.

Tuy nhiên, chế độ Đế Nhất Cộng-Hòa chỉ tồn tại được 7 năm (1956-1963) nhưng biến cố thất-bại và sự sụp đổ ngấm của Hoa Kỳ, quân đội đã đứng lên lật đổ nên Đế Nhất Cộng-Hòa. Sau đó, chính đảng t tương đối hoạt động được tự do hơn nhưng thiếu một căn bản pháp lý vững chắc để hướng dẫn sự phát triển nên đã xảy ra nhiều sự kiện trong chính trường lúc bấy giờ. Tại gần năm 1967, các nhà lập hiến mới mình thị công nhận vai trò thiết yếu của chính đảng trong sinh hoạt quốc-gia.

Song song với khuyếch trương tiêu diệt đảng phái của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Cộng Sản đã thật bại trong âm mưu thôn tính Hiến Nam bằng cuộc Tổng tuyển cử nên đã xoay qua đường lối xâm lăng vũ trang dưới hình thức chiến tranh giải phóng. Từ đó cuộc chiến tranh giai cấp dẫn cho đến ngày nay.

Trong khung cảnh chính trị như trên, chính đảng đã trải qua 3 giai đoạn chính yếu từ khi Việt-an thu hồi độc lập:

- Thời kỳ Đế Nhất Cộng-Hòa.
- Thời kỳ chuyển tiếp (1963-1967)
- Từ 1967 đến nay.

PHẦN I. - THỜI KỲ ĐẾ NHẤT CỘNG-HÒA.

Trước hết chúng tôi xin minh xác rằng mặc dù thời kỳ Đế Nhất Cộng-Hòa trên chương Hiến pháp lý thì bắt đầu từ bản Hiến pháp 25/10/56 cho đến ngày 1/11/63, nhưng trên thực tế người ta vẫn xem khởi điểm của Đế Nhất Cộng-Hòa bắt đầu từ năm Thủ tướng Ngô Đình Diệm

chính (1951), hơn nửa năm này có một biến chuyển trọng đại là Hiệp Định Genève chia cắt đất nước lôi kéo theo sự chuyển hướng hoạt động của chính đảng Việt-Nam, nên chúng tôi tạm xem Tết Mậu Cộng Hoà bắt đầu từ năm 1954 và chấm dứt năm 1963.

I.- Khuyh hướng tập quyền và chủ trương độc đảng.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm từ khi còn là một vị quan Triều Nguyễn đã có khuynh hướng tập quyền, nhiều lần ông đã biểu lộ khuynh hướng này dựa trên quan niệm sau: 'Một chính quyền mạnh, một chế độ mạnh có đầy đủ uy quyền để chiến thắng Cộng-Sản'. Thêm vào đó ông là người rất sùng đạo Gia Tô, Ông luôn luôn tin tưởng một cách tuyệt đối rằng Chúa sẽ giúp đỡ ông hoàn toàn trong sứ mạng lịch sử thiêng-liêng (1). Vì vậy sau khi tiêu diệt các lực lượng giáo phái võ trang ông đã quay mũi dùi về phía các chính đảng để thực thi quan niệm của ông: Uy quyền quốc-gia không thể tự nhiên qua đến bởi diên tiến tự do sinh hoạt chính trị Tây Phương, vì sự tranh chấp đảng phái trong tình trạng phân hóa về yêu-kết sẽ không đưa đến một nền lãnh đạo chính trị ổn định mà chắc chắn sẽ đến sự hỗn loạn (2).

Để thực hiện sự ổn cố chính trị theo quan niệm của ông, sau khi tiêu diệt các lực lượng đối lập ông đã cho thực hiện một hệ thống chính đảng thân chính hệ thống này gồm 2 đảng chính là Đảng Trào Cách Mạng Quốc Gia và đảng Cần-Lao Thân-Vị. Nhiều tác giả ngoài quốc khi khảo sát về chế-độ độc nhất Cộng Hoà có thể lầm tưởng đây là một hệ thống lưỡng-đảng như những định chế dẫn-chủ Tây Phương nhưng

(1) Hoàng văn Lạc, 'Việt Giải-Pháo Cho Văn-Tê VII' (Saigon: 1966) tr 14

(2) Trần-thị-koài-Trần 'Lực Lượng Chính-Trị, Chính Đảng' (Saigon 72) tr233.

Trong hai tổ chức này là một Phong Trào ở ngoài Đảng là một tổ chức nối của chính quyền, còn đảng Cần Lao Nhân Vị là một tổ chức nằm trong bóng tối điều khiển Phong Trào Cách Mạng Quốc-Gia. Đảng qui tụ những phần tử được gọi là ưu tú của chế độ, gồm những nhân vật trung kiên chiếm địa vị thóc chột trong chính phủ, quân đội, Quốc-Hội và guồng máy hành chánh.

Họ cài ra, còn một số tổ chức n cại vi khác như Thanh Niên Cộng Hoà, Hiệp Hội Nông Dân, Hội Phụ-Nữ Liên-Đoái, Nghiệp Đoàn Công Nhân, Tập Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc-Gia.

Chủ thuyết cả đảng là Chủ Nghĩa Nhân-Vị. Chủ nghĩa này do M. Prouder và nhóm Công-Giáo nhập thể để xướng, có tính cách triết học hơn là chính trị vì ngay cả những tác giả của nó cũng chưa hệ thống hóa được để hội nhập vào hoạt động chính-trị. Thuyết Nhân-Vị chú trọng cả tinh thần lẫn vật chất chứ không thiên về vật chất như thuyết duy vật hay thiên về tinh thần như thuyết Duy Tân (1). Trên phương diện lý thuyết nói chung thì thuyết Nhân-Vị rất hợp với lý tưởng Dân Chủ Tự-Do và xã hội, nhưng trên thực tế, chính quyền Ngô Đình Diệm tự xưng theo chủ thuyết ấy lại thi hành một chính sách khác nghiệt, trái hẳn với những nguyên tắc đã được đề ra.

Trong chính trường lúc bấy giờ, ngoài Phong-Trào Cách Mạng Quốc-Gia, Đảng Cần-Lao ngoài ta còn thấy sự xuất hiện những tổ chức mệnh danh là: Tập Đoàn Công Dân và Phong Trào Tranh Thủ Tự-Do (về sau sáp nhập cả vào Phong Trào Cách Mạng Quốc-Gia) Đảng Dân Xã

(1) Phạm Xuân Cầu, 'Nhân-Vị Chủ-Nghĩa' Saigon, 1956.

của Hoà-Hảo, Việt-Nam Phục-Quốc Hội của Cao-Dài nhưng các tổ chức này bị chỉ trích bởi các phần tử thân chính quyền.

II.- Các đảng phái quốc-gia đối lập.

Thất bại trong việc đấu tranh với Cộng-Sản, tác đảng cách-mạng quá an toàn thủ đoạ chính-trị giáo quyết và các âm mưu sử-dụng võ lực của Cộng-Sản nên đã rời bỏ miền Bắc vào, nay hy vọng sinh hoạt trong một môi trường trong lành hơn. Nhưng, hy vọng này không thành tựu vì chính sách chính trị nhiệt nghệ của chính quyền Ngô Đình Diệm, cho nên con đường duy nhất của các chính đảng để tự tồn là lật đổ chính quyền khi ấy nhưng hệ thống Cảnh-Sát công-an đã giữ vững được chế độ, do đó, các chính đảng quốc-gia đã phải hoạt động bí mật, ít liên lạc với nhau và khó tìm hậu thuẫn quần chúng, một cách công khai được.

Suốt trong thời kỳ Đệ I Cộng-Hoà, các hoạt động của đảng phái có thể liệt kê như sau:

- Trước tiên, 3 nhóm Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Ba của Cao Đài Hoà Hảo liên kết với nhau thành Lực-Lượng Thông-Nhất Toàn-Lực Quốc-Gia (1954) lực-lượng này từng yêu cầu Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm thay đổi nội các để lập một chính-phủ lành mạnh không có tính cách gia-đình thân hữu nhưng không được chấp thuận nên đã cử người sang Pháp thuyết phục Cao Đài thu hồi quyền hành của Thủ-Tướng Diệm, đồng thời kêu gọi cụ thể toàn Đệ Ba về nước đích thân điều khiển chính phủ. Lực lượng này sau bị tan rã cùng lúc với các lực lượng giáo phái vũ trang bị tiêu diệt.

- Đại-Việt Quốc-Dân Đảng hợp tác với Nhật-Giáo Hoà-Hảo lập chiến khu ở Long-Muyên, Châu-Bắc và riêng tại miền Trung với

chiến khu và Lòng. Nhưng sau đó, các mặt trận này bị đánh tan, lãnh tụ và các đảng viên bị đàn áp dữ dội.

- Năm 1956 Việt-Nam Quốc-Anh Đảng cũng thành lập chiến khu ở Quảng Nam và Quảng-Ngãi để chống lại chính quyền nhưng cũng không đạt được mục đích.

- Năm 1958, Lực-Lượng Giải-Nạn Thống-Khất của Nguyễn-văn-Lực và Nguyễn-văn-Tiểu như loan đảo chánh nhưng bại lộ.

- 1960, các ông Phan/Láng^{Quảng} (lãnh tụ đảng Dân Chủ Tự-Do thành lập năm 1958), Phan-Khắc-Sửu, Trần-Văn-Kương, Trần-Văn-Văn...

Định danh là nhóm Caravello gọi thư đòi Tổng Thống Ngô Đình Diệm thi hành đúng đúng Hiến Pháp để dân chúng được hưởng các quyền tự-do cá nhân, tự-do báo chí, chấm dứt việc thanh toán đời lập... thư trên chưa được trả lời thì ngày 11/11/60 xảy ra cuộc đảo chánh do Đại Tá Nguyễn-Chánh-Thị cùng một số chính trị gia như Hoàng Cơ Thụy, Nguyễn Tường Tam, Phan Quang Đán, Phan Khắc Sửu... Cuộc đảo chánh bị thất cáo chính trị gia nói trên người bị tù, người lưu vong, Nguyễn Tường Tam sau này tự tử chết. Sự thất bại còn khiến cho chính quyền Đệ I Cộng-Hoa đàn áp dữ dội.

- Ngày 27/2/62, thiếu úy Nguyễn-Văn-Cử (con ông Nguyễn văn Lực) và Trung úy Phan-Chú-Quốc canh tạc định độc-lập nhưng hành động này cũng không thay đổi được chính sách nghiệt ngã với các nhóm chính-trị đối lập thời bấy giờ. Cùng năm, mặt-Trận Quốc-gia Liên-Hiệp của Vũ Tam Anh và Phong-Trào Thống-Khất Dân-Tộc cũng âm mưu đảo chánh nhưng bị bại lộ, Vũ Tam Anh bị bắt và bị thủ tiêu.

Trong suốt thời kỳ Đệ I Cộng-Hoa, mặc dù là quốc-gia đã thoát khỏi vòng nô lệ của thực dân nhưng nạn độc-tài đã khiến cho

...những công việc... phải tiếp tục hoạt động bằng một cách
 bất hợp pháp, làm cho vai trò xây dựng Liên-Chủ không được các chính
 đảng đảm nhận một cách trọn vẹn bằng những sinh hoạt chính trị công
 khai như trong mô thức dân chủ tiên tiến đời mới. Sự thất bại của
 chính đảng được nhận định vì những lý do sau:

- Chính sách đàn áp đảng phái đối lập của chính quyền
- Hội bộ các chính đảng tiếp tục phân hoá.
- Quốc-Hội chỉ là cơ quan bù nhìn, không diễn tả

trung thực nguyện vọng của quần chúng.

Như vậy trên chính trường miền nam lúc bấy giờ coi
 như chỉ có 2 lực lượng chính trị đáng kể là Mặt-Trận Giải-Phóng Miền-
 Nam và Phong-Trào Cách-Mạng Quốc-Gia. Cả hai đều là công cụ của chính
 quyền: một của miền Bắc và một của miền Nam. Nhiều người đã gọi chế
 độ chính trị của đệ nhất cộng hòa là chế độ độc đảng, thiết tưởng cũng
 không có gì quá đáng.

Giai đoạn độc-đảng này đã cáo chung ngày 1/11/63
 để thay thế bằng một khung cảnh sinh hoạt chính trị tự do hơn, tạo một
 sắc-thái đặc biệt trong lịch sử chính đảng VN .

ĐOẠN B. - THỜI-KỲ CHUYỂN TIẾP (1963-1967)

Cách mạng 1/11/63 đã giúp cho các chính đảng hoạt
 động công khai các vị lãnh tụ bị bắt bớ giam cầm hay lưu vong chính
 trị nay đã trở về để tiếp tục chiến tranh. Mặc dù chế độ pháp lý chi
 phối đảng phái sau cách mạng vẫn là chế độ Hiệp-Hội của Dự số 10
 ngày 6/6/1950, nhưng người ta thấy rõ sự dễ dãi của các chính quyền
 sau đó. Bộ Nội Vụ có ra thông cáo ngày 20/1/1964 qui định rằng
 đảng phái muốn hoạt động phải khai trình, Bộ Nội-Vụ sẽ cứu xét và

cấp biên nhận cho tiếp hoạt động. Thông cáo này đã nói rộng sự kiểm
chế của chính quyền đối với chính đảng.

I.- Đảng phái và cuộc khủng hoảng lãnh đạo quốc gia.

Sau cách-mạng, cuộc khủng hoảng lãnh đạo đã xảy
ra bắt nguồn từ tham vọng cá nhân của một số tướng-lãnh quân đội và sự
kiện thiếu chuẩn bị về phương diện nhân sự lãnh đạo, các chính phủ thường
chỉ đứng vững trong vài tháng hay 1 năm cho đến khi Trung-Tướng Nguyễn
Văn Thiệu và Thiếu-Tướng Nguyễn Cao Kỳ tham gia Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc
Gia củng cố các cơ sở, tổ chức lại guồng máy, cuộc khủng hoảng mới
tạm yên.

Vai trò của đảng phái trong giai đoạn này được mô
tả là chiếm một địa vị ưu thế, căn cứ vào sự tham gia vào nội các của
các lãnh tụ đảng phái, thí dụ như trong thành phần chính phủ thành lập
ngày 8/2/64, người ta thấy sự tham gia của các lãnh tụ Đại-Việt như
Hà Thúc Ký, Nguyễn Tôn Hoàn, Nguyễn ngọc Huy, Phan huy Quát. Tuy nhiên
nhìn chung thì sự hợp tác của các chính đảng trong việc xây dựng cơ
cấu dẫn chủ không được lâu dài vì các âm mưu tái lập độc tài cá nhân
áp lực nặng nề của tôn giáo và quân đội. Song song với việc tham chính
của các lãnh tụ, các đảng phái đã tiếp tục phát triển mạnh mẽ theo một
chiều hướng bệnh hoạn, khiến nhiều người phải gọi tình trạng lúc bấy giờ
là 'một hiện tượng lạm phát chính đảng' (1). Vì sự phân hoá trầm trọng
như vậy nên không đảng nào chiếm được hậu thuẫn quần chúng. Mặc dù,

(1) ++ 5 chính đảng được thành lập theo tiêu chuẩn Dự số 10, vẫn còn
hiệu lực.

++ 33 chính đảng được cấp biên nhận theo thông cáo 28/1/64

++ 24 chính đảng có khai báo nhưng chưa được cấp biên nhận.

++ 168 chính đảng hoạt động bất hợp pháp (tài liệu sơ kiểm soát,
Tổng bộ An Ninh)

có sự xuất-hiện sự kết hợp dưới hình thức liên minh như khối, Mặt Trận, Hội Đồng nhưng cũng không tạo một hậu thuẫn như ý trong cuộc xây dựng một hệ thống đảng phái vững mạnh.

II.-Thế đứng của đảng phái và Quốc Hội lập Hiến 1966.

Dưới áp lực của quần chúng và cao trào tranh đấu Phật-Giáo, khẩu hiệu 'Quốc Hội Lập Hiến' là một mục tiêu chính đảng đề ra để yêu cầu chánh quyền của Trung Tướng Nguyễn văn Thiệu phải thực thi, đồng thời dưới áp lực của người Mỹ, nên một đại hội chính trị toàn quốc đã được triệu tập từ 12/4 đến 14/4/66 gồm các đoàn thể tôn giáo chính trị, nghiệp đoàn. Đại Hội này đã kết thúc bằng một số đề nghị như bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, lập chánh quyền Dân cử khuyến khích sinh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi cho chánh đảng hoạt động.

Cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến đã được tổ chức vào ngày 11/9/66, đảng phái không dám công khai đưa người tranh cử mà chỉ ngấm ngấm ủng hộ các ứng cử viên của mình. Hiện tượng phân hóa chánh đảng trong giai đoạn này đã phản ánh qua kết quả cuộc bầu cử, chỉ có hai chánh đảng đưa nổi người vào Quốc Hội là Việt Nam Quốc Dân-Đảng (các hệ phái) với 8 ghế và Đại Việt Quốc Dân Đảng (các hệ phái) với 10 ghế (1). Như vậy chánh đảng đã không đóng trọn vai trò trong sinh hoạt dân chủ, với một tỷ lệ 18/117 ghế dân biểu đảng phái đã nhường bước cho uy tín cá nhân và tôn giáo. Đối với hậu thuẫn quần chúng trong giai đoạn này.

Hiến Pháp đã được ban hành ngày 1/4/67 và chánh đảng cùng dân tộc VN trở về với khởi điểm xây dựng dân chủ.

(1) Theo báo Tự Do, ngày 15/9/66.

-34-

ĐOẠN C. - GIAI ĐOẠN TỪ 1967 ĐẾN NAY.

Hiến Pháp 1967 đã dành một địa vị xứng đáng cho đảng phái. Căn bản Hiến Pháp đã có. Các chính đảng bắt đầu cũng cố lại lực lượng, bành trướng đảng viên trong quân chúng và phát động những chương trình phù hợp với tình thế để củng cố lại uy tín và địa vị đã mất. Đồng thời những biến chuyển chính trị đã hướng dẫn chính đảng trong các sinh hoạt chính trị trong giai đoạn này chúng tôi có thể nhắc đến biến cố Tết Mậu-THÂN 1969, việc Cộng-Sản xâm lăng ào ạt qua vĩ tuyến 17 và sự thành hình của Hiệp Định Pa Lê 1972 đã tạo những khúc quanh cho hoạt động chính đảng VN.

Cuộc thăm sát các đảng viên đảng phái quốc gia tại Huế, đã làm cho các chính đảng thức tỉnh cố gắng kết hợp với nhau để chống lại kẻ thù chung là Cộng Sản. Sự hình thành của Mặt-Trận Cứu-Nguy Dân-Tộc của Nghị Sĩ Trần Văn Đôn ra đời vào tháng 2/68 nhằm tập hợp các phần tử quốc gia nói lên tiếng nói cứu nguy dân tộc với sự hậu thuẫn của quân chúng. Sau đó một Sổ Liên Minh khác xuất hiện như: Liên minh Dân Tộc Cách Mạng Xã Hội (7/68), Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội của chính quyền, rồi Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiên (4/69). Một Ủy Ban Phối Hợp Hành Động các chính đảng cũng được thành lập nhằm liên lạc giữa các chính đảng về các việc chung.

Nhưng các sự kết hợp này cũng không có tính cách lâu dài, và những Liên Minh nêu không tan rã vì sự kết hợp có tính cách nhất thời (Mặt-Trận Quốc-Gia Dân-Chủ Xã-Hội của chính quyền, Ủy Ban Phối Hợp Hành Động các chính đảng của nhóm đôi lập) vì quyền lợi thì cũng tự biến hình để thành một đảng duy nhất (Mặt-Trận Cứu-Nguy Dân-Tộc, Phong-Trào Quốc-Gia Cấp-Tiên) chứ không còn tính chất lỏng lẻo như lúc mới ra

đòi.

Qui chế chính đảng cũng được ban hành trong thời kỳ này bằng luật 009/69 ngày 16/9/69, chính đảng được yên tâm hơn nhờ dựa vào căn bản pháp lý để được bảo vệ. Nhưng luật 009/69 cũng không đạt được mục đích như nhu cầu tiến tới lưỡng đảng như Hiến Pháp mong muốn. Tính đến cuối năm 1972 có đến 23 đảng được hợp thức hoá (1). Trước sự biến chuyển của hoà đàm Paris sắp đến giai đoạn ký kết Hiệp Định và vì nhu cầu tranh thủ nhân dân đối với Cộng Sản mà một hệ thống chính đảng hữu hiệu thì VNCH chưa đạt được cho nên một sắc luật sửa đổi qui chế chính đảng đã được ban hành ngày 27/12/72. Sắc luật 060 này đòi hỏi điều kiện thành lập khác hơn để thúc hồi các đảng hiện tại hãy tự cũng cố thực lực và kết hợp nhau lại các chính đảng cũ coi như tự giải tán để tổ chức lại nội bộ hầu có một thực lực vững chắc hơn.

Chính trường Miền Nam sau sắc luật 060-TT/SLU người ta thấy sự hiện diện của những đảng phái và Liên minh sau:

I.- Đảng Dân Chủ.

Đảng Dân-Chủ của chính quyền là đảng duy nhất được hợp thức hóa(1) từ khi ban hành sắc-luật 060 đây nay. Đây là một hỗ trợ mạnh mẽ mà chính quyền mong muốn, thực hiện dưới hình thức một đảng phái có thực lực quân chúng. Nhưng sự thành lập ào ạt tại địa phương tới những đảng bộ ở cấp xã để hội đủ điều kiện về đảng viên, về sự phối trí khu vực ảnh hưởng, không biết có đảm nhiệm nổi vai trò chống Cộng mà đảng đã đề ra mà Chủ Tịch Loàn Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã đề ra hay không. sự sinh hoạt mạnh mẽ của đảng Dân Chủ không được bao lâu thì Thông Điệp nhân ngày 15/6/74 vừa qua, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã nhấn mạnh rằng đảng Dân Chủ không còn là một đảng cầm quyền và ông ra lệnh cấm quân nhân công chức các cấp không được sinh hoạt đảng phái, lý do được

nêu lên như muốn giữ thái độ vô tư của tập thể quân đội, gương máy hành
chính trong sinh hoạt chính trị.

Chúng tôi cũng ghi nhận thêm là, trong thời gian ^{gần đây} một
vài dư luận tố các đảng Dân Chủ đã chèn ép các đảng phái khác tại nhiều
nơi nhất là trong cuộc tranh cử Nghị Viên Hội Đồng Đô Tỉnh Thị xã cấp
tối. Thêm nữa, người ta còn thấy có một vài sự thay đổi trong hàng ngũ
đảng Dân Chủ

Gạt ra ngoài các lý do nêu phân tích thông điệp này
người ta không khỏi có những thắc mắc. Vì làm thế nào để từ bỏ vai trò
đảng cầm quyền khi Chủ tịch đảng là vị Nguyên Thủ Quốc Gia. Thứ đến,
việc cấm quân nhân công chức sinh hoạt đảng phái cũng là một điều đáng
suy nghĩ. Đối với quân nhân sự cấm đoán này đã hẳn nhiên được minh thị
qui định trong luật 009/69. Riêng đối với Công chức thì việc cấm đoán
này là một điều mới lạ biết rằng nội dung luật 009/69, không cấm công
chức hoạt động chính trị miễn sao không phương hại đến công vụ. Như
vậy, lệnh cấm công chức không được hoạt động đảng phái vừa rồi phải
chăng đã vi phạm vào tinh thần Luật 009/69 ?

Điều lạ hơn nữa, là thành phần cán bộ nòng cốt của
đảng Dân Chủ là các quân nhân công chức, nếu lệnh được thi hành trung
thực việc cấm đoán này chẳng khác nào Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tự chặt
tay của đảng mình. Vì hạn kỳ hoàn tất luận văn đã đến nên chúng tôi
không có thời giờ phân tích cặn kẽ nguyên nhân nội dung lệnh cấm trên.

Dẫu sao, sự hữu hiệu trong sinh hoạt của đảng Dân
Chủ là mong muốn của nhiều người, của đa số quân nhân công chức công
Cộng, và người ta hy vọng rằng sự trưởng thành của đảng sẽ tạo 1 thế

quân bình để ổn cố chính trường Miền Nam.

II. - Đảng Tự-Do.

Đảng Tự Do là một sự kết hợp giữa các nhóm có hậu thuẫn của Thiên Chúa Giáo như:

- + Nhóm Liên Danh Đồng Huệ của Nghị Sĩ Nguyễn Văn Huyền.
- + Việt Nam Nhân Xã Đảng của ông Trương Công Cửu.
- + Lực Lượng Đại Đoàn Kết của ông Nguyễn Gia Hiến.

Nghị Sĩ Nguyễn Văn Huyền được bầu làm Chủ Tịch của đảng Tự Do. Lập trường của đảng có tính cách đối lập ôn hòa với sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Giáo-Dân Thiên-Chúa-Giáo. Nhưng sinh hoạt của đảng Tự Do kéo dài không bao lâu thì tự ý giải tán theo đơn đề ngày 09/3/74 thông báo cho Bộ Nội Vụ sự giải tán này đã được hợp thức hóa qua Nghị Định số 140-DNV/KS/74 ngày 25/3/74. Lý do giải tán được đảng Tự Do dẫn như một thái độ chống lại việc tu chính Hiến Pháp cho Tổng Thống tái ứng cử hai lần và nhiệm kỳ là 5 năm thay vì 4 năm như trước. Đảng Tự Do cho rằng đây là một âm mưu làm độc tài của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Ngoài các nguyên nhân trên, người ta cho rằng lý do thâm kiến của việc giải tán này là do đảng Tự Do tự nhận thấy khó mà đạt được chỉ tiêu theo điều kiện hợp thức hóa do sắc luật số 060 ấn định. Nghị Sĩ Nguyễn Văn Huyền tự ý từ chức Nghị Sĩ và đặt vấn đề giải tán đảng Tự Do.

III. - Liên-Minh Dân-Chủ Xã-Hội.

Liên Minh này tập hợp của 7 đảng sau.

- 1 + Công Nông (Trần Quốc Dữu)
- 2 + Phong Trào Quốc Gia Cấp Thiên (Nguyễn Ngọc Huy)

3 + Tập Đoàn Cựu Chiến Sĩ Hoà Hảo Dân Xã (Lâm

Thành Nguyên)

^{đảng}
4+ Cộng-Hòa Xã-Hội

5+ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Thống Nhất (Nguyễn Lĩnh
Lương.

6+ Lực Lượng Nhân Dân Kiên Quốc (Lê Trọng Quát)

7+ Việt-Nam Dân Chủ Xã Hội Làng (Nguyễn Văn Ca.

người ta thấy rằng đây là sự biến hình của khối Tự Quyết trước đây
ngoại trừ Làng Đại Việt Cách Mạng không gia nhập vì nhất định chống
đổi sắc luật 060 bằng cách rút lui về hoạt động trong vòng bí mật.

Liên Minh được thành lập do thỏa ước 8 điểm của 7
đảng được ký kết ngày 26/3/73, là một sự kết hợp giữa các khinh hướng
tôn giáo, nghiệp đoàn và chính đảng.

Theo thỏa ước của Liên Minh, 3 mục tiêu sau đây đã
được xác nhận:

- 1.- Bảo vệ Miền Nam không để lọt vào tay Cộng Sản
- 2.- Xây dựng một Miền Nam công bằng, tự do dân chủ
tiên bộ trong tinh thần tôn trọng truyền thống đạo lý dân tộc.

Trong giai đoạn đầu, các thành viên của Liên Minh
được giữ tính cách tự trị và bản sắc riêng nhưng phải hoạt động theo
đường hướng chung của Liên Minh.

Sự kết hợp của Liên minh theo hình thức sau:

- Ở trung ương, các thành viên có số Đại Diện
ngang nhau.

- Ở Địa phương, cơ cấu lãnh đạo được tổ chức
tương xứng với sự đóng góp của mỗi thành viên.

Cho đến nay, Liên Minh Dân Chủ Xã Hội được coi là một chính đảng có hậu thuẫn quần chúng mạnh mẽ, nhờ sự yểm trợ của các khuynh hướng tôn giáo, nghiệp đoàn. Sau việc hợp thức hóa Đảng Dân Chủ thì Liên Minh là một đảng phái có nhiều hy vọng được những điều kiện thành lập do sắc luật 060 đòi hỏi để hợp thức hóa trong hạn kỳ 24 tháng theo luật 02/74.

IV.- Đảng Cộng Hoà.

Đảng Cộng Hoà do Nghị Sĩ Trương Tiến Đạt sáng lập cùng với ông Y Bling Duon Trong, đảng Cộng Hoà là đảng tân lập, đơn độc (không phải là một liên minh chính đảng) được coi như hậu thân của Lô Thành Bộ. Lực lượng Đại Đoàn Kết, thành phần này ly khai khỏi Lực lượng Đại Đoàn Kết khi lực lượng này tham gia vào Đảng Tự Do.

Hiện nay đảng Cộng Hoà đang cố gắng bành trướng ở khu vực 'khó' (1) trước và khu vực 'dễ' sau. Đảng đặt ưu tiên bành trướng cơ sở và đảng viên ở miền Tây vì đây là một khu vực đã bị chi phối nặng nề bởi ảnh hưởng của đảng Dân Chủ và Liên Minh Dân Chủ Xã Hội. Các khu vực liên tiếp sẽ là vùng cao nguyên và duyên hải Trung phần, cuối cùng mới tạo thực lực đảng viên xây dựng cơ sở tại miền Đông Nam phần và Saigon.

Đảng Cộng Hoà quan niệm một sự độc lập giữa tôn giáo và chính trị. Khi phê bình hình thức kết hợp và hậu thuẫn của nhóm

(1) theo sự phỏng vấn của chúng tôi với Nghị Sĩ Trương Tiến Đạt, quan niệm khu vực 'khó' có nghĩa là khu vực đã bị các đảng khác thiết lập cơ sở bành trướng ảnh hưởng rồi nên khi có sự hội nhập của đảng Cộng Hoà thì đảng thường bị chèn ép.

giáo dân Thiên Chúa Giáo, đối với đảng Tự-Do, Nghị Sĩ Trương Tiên Đạt cho rằng. Tôn giáo dựa vào chính trị là một tôn giáo bịnh hoạn, chính trị dựa vào tôn giáo là chính trị sai lầm. Đảng Cộng Hòa còn chủ trương đòi lập thật sự và triệt để không 'đôi lập cuối' và đảng Cộng Hòa không quan tâm đến sự ràng buộc về sự thành lập trong sắc luật 060 và Nghị Sĩ tiên đoán một giải pháp chính trị, ký kết trong tương lai giữa VNCH và phe bên kia sẽ huỷ bỏ sắc luật này.

Nhật xét về sinh hoạt đảng Cộng Hòa, thì thành thực nhận rằng đảng chưa lập nổi hệ thống cơ sở và đảng viên cần thiết cho nên chỉ gồm một ít đảng viên tại Lô thành (Lực Lượng Đại Đoàn Kết cũ) và rải rác vài tỉnh cho đến nay, Đảng Cộng Hòa chưa lôi cuốn được sự tham gia của quần chúng nên ít hy vọng được hợp thức hóa theo như các điều kiện hiện hữu.

V.- Lực Lượng Dân Chủ Xã Hội Phật Giáo Thống Nhất VN.

Lực Lượng này được coi như biến thể của đảng Dân Chủ Xã Hội Phật Giáo VN của Giáo Sư Vũ Quốc Thông. Lực Lượng được Bộ Nội Vụ cấp phái lai số 03/73 ngày 11/6/73. Lý do thành lập được Giáo Sư Vũ Quốc Thông nêu lên như sau:

- 1- Nói lên tiếng nói chính thức của Phật tử thế tục.
- 2- Sự thành công của những tổ chức chính trị giới tính đồ tại ngoại quốc (Đức với đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo Nhật Bản với đảng Soka Gakkai) là một tấm gương sáng cho VN nếu thành công lực lượng này sẽ tránh được những bất lợi do những người dựa vào giáo hội để làm chính trị.
- 3- Dùng những người có thiện chí để bắt nhịp cầu thông cảm giữa nhân dân và chính quyền.

Lực Lượng Dân Chủ Xã Hội Phật Giáo Thống Nhất VN

đã đưa ra tôn chỉ như sau:

'Lực Lượng kết nạp mọi công dân có tính ngưỡng hay cảm tình với Phật giáo có tinh thần quốc gia chân chính, yêu nước chống mọi hình thức độc tài, hiện tượng làm quốc gia suy nhược, bất công xã hội, chia rẽ tôn giáo hầu thực hiện một quốc gia thống nhất, dân chủ và tiến bộ.

Cho đến nay, mọi hoạt động của lực lượng vẫn âm thầm và dường như tổ chức cơ sở và đảng viên vẫn còn quá rời rạc gần như dựa hoàn toàn vào sự yểm trợ của Giáo Hội Phật Giáo. Chúng tôi thiết tưởng xây dựng được chánh đảng có kỷ luật chặt chẽ dựa vào Phật Tử là một việc làm khó khăn, vì triết lý Phật giáo và nhất là Phật tử chưa hẳn đã am tường và chịu tham gia chính trị, dù rằng họ có thể hành động theo các nhà sư một cách nhiệt thành trong lãnh vực chính trị.

KẾT LUẬN CHƯƠNG II

Qua kinh nghiệm thực tế tại các quốc gia Dân Chủ Tây Phương, một nền Dân chủ thật sự không phải một sớm một chiều mà có được, sự hiện hữu cơ chế quý giá này phải được nuôi dưỡng và trưởng thành theo thời gian.

Vấn đề bây giờ là chấp nhận và vượt thoát mọi thử thách trên con đường tiến tới mục tiêu đã định. Do vậy, trong chương III chúng tôi xin phân tích các trở ngại nội tại cũng như ngoại lai hầu thu thập dữ kiện để xây dựng một hệ thống chánh đảng hữu hiệu trong hai vai trò quan trọng mà lịch sử đã giao phó.

* * *

*

CHƯƠNG III.

NHỮNG TRỞ NGẠI CỦA CHÍNH ĐẢNG QUỐC-GIA TRONG VAI TRÒ ĐẤU TRANH CHÍNH-TRỊ CHỐNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG DÂN CHỦ.

TIẾT I: NHỮNG TRỞ NGẠI NỘI TẠI.

Những nguyên nhân làm trì trệ các chính đảng trong cuộc đấu tranh chính trị và xây dựng dân chủ thuộc về nhiều lãnh vực: hoạt động tuyên vận yếu kém, thiếu hụt tài chánh, kỷ luật đảng lỏng lẻo và một sự thiếu soát về chủ thuyết khai triển.

I.- Khả năng tuyên vận yếu kém.

Các chính đảng VN hiện nay chưa có một bộ máy tuyên vận hữu hiệu. Tại Trung Ương, tầm quan trọng của một cơ quan ngôn luận chính thức chưa đặt nặng đúng mức, trong khi tại địa phương hệ thống thông tin tuyên truyền hầu như không có một chiều hướng nào đáng khích lệ.

A.- Tầm quan trọng của một cơ quan ngôn luận chính thức.

Cơ quan ngôn luận chính thức chúng tôi muốn đề cập ở đây là vai trò của một nhật báo, vì nhật báo với tính cách thông tin thường trực của nó sẽ đáp ứng được các nhu cầu phổ biến tư tưởng chính trị cấp thời, nhất là các biến cố thời sự. Đối với các chính đảng hiện nay, chỉ có đảng dân chủ là có một cơ quan ngôn luận chính thức của đảng bằng nhật báo Dân Chủ. Liên Minh Dân Chủ Xã Hội Làng Cộng Hòa và Lực Lượng Dân Chủ Xã Hội Phật Giáo Thống Nhất VN vẫn còn ở trong tình trạng chưa được hợp thức hoá nên việc xuất bản một nhật báo là một điều quá khó khăn. Trở ngại này có thể vượt qua được một khi đã được hợp thức hoá vì qui chế báo chí hiện hành đã nâng

ở các chính đảng, bên cạnh chỉ bố được đóng một số tiền ký quỹ bằng 1/2 tiền ký quỹ của tư nhân phải đóng, số tiền này là 10 triệu đối các cơ quan ngôn luận chính thức của chính đảng.

Ngoài công dụng thông tin tuyên truyền, nhật báo còn được sử dụng như một hình thức liên lạc nội bộ của đảng phái chỉ thị của trung ương đối với các đảng bộ địa phương, và báo cáo của địa phương qua các bản tin đối với Trung ương. Với công dụng này nhật báo trở nên phương tiện chính yếu, sự thiếu sót nhật báo làm cho liên lạc nội bộ bị trì trệ. Quan điểm của Trung Ương Đảng Bộ trước các biện cố thời sự sẽ không đến kịp các Lăng Độ Địa Phương, nếu sử dụng phương tiện cổ điển thì những quan điểm của trung ương sẽ đến địa phương quá chậm trễ, mất thời gian tính.

Sau cùng 'nhật báo chính đảng' còn được coi như phương tiện để hướng dẫn và giáo dục chính trị cho các đảng viên. Đảng viên sẽ lãnh hội những căn bản chính trị qua sự phổ biến của cơ quan ngôn luận chính thức của đảng. Sự am tường các nguyên tắc dẫn chủ căn bản của đảng viên tùy thuộc vào tính cách phổ quát của hệ thống thông tin mà nhật báo đóng vai trò trọng yếu.

Như vậy, các đảng phái VN hiện nay đã mất đi tạm thời hệ thống quân chúng, sự hữu hiệu của hệ thống liên lạc nội bộ và thiếu sót trong việc giáo dục đảng viên được coi như một phần lớn bắt nguồn từ sự kiện khiếm khuyết một cơ quan ngôn luận chính thức của đảng.

B. - Hệ thống thông tin tuyên truyền:

Yếu tố căn bản của một chính đảng mạnh là hậu thuẫn

quần chúng. Như vậy nhờ đâu có hậu thuẫn quần chúng? nếu không phải là nhờ trồng cấy vào hệ thống tuyên vận đảng? như vậy cần phải đặt lại quan niệm về tuyên vận chính trị. Tuyên vận chính trị dựa trên các yếu tố: chủ thuyết chính trị phương tiện và nhân sự.

Hiện nay, hầu như chưa có một chính đảng nào hệ thống hoá về phổ quát được chủ thuyết chính trị của mình. Trước đây người ta nhận thấy có một số chủ thuyết được đề xướng:

1- Thuyết 'Tam Dân Chủ Nghĩa' của Tôn Dật Tiên được Việt-Nam Quốc-Dân Đảng noi theo ,

2- Thuyết 'Dân Tộc Sinh Tôn' của Trương Tú Anh, sau được khai triển bởi Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, được các hệ phái của Đại Việt Quốc Dân Đảng noi theo,

3- Thuyết 'Nhân Xã' biên thể của 'Nhân Vị' thời Đế I Cộng Hoà, được đảng Nhân Xã noi theo,

4- Thuyết 'Dân Xã' của Phan Bá Cẩn được Việt Nam Dân Chủ Xã Hội noi theo,

5- Thuyết 'Duy Dân' của Lý Đông A được Đại Việt Duy Dân noi theo.

Thực ra, các chủ thuyết này cũng chưa được chi tiết hoá, để có thể phổ quát vào quan niệm sống, căn bản lý thuyết và chỉ đạo chính trị cho các chính đảng.

Trong chính trường hiện nay, các chính đảng vừa được tái phối trí hay tân lập nên sự thiêu sát các chủ thuyết chính trị càng trở nên trầm trọng. Lỗi với các chính đảng dưới hình thức liên minh (Liên Dân Chủ Xã Hội) thì nhu cầu thiết bách là sự phối hợp

các chủ thuyết của các đảng thành viên. Còn đối với các đảng phái tân lập còn việc nghiên cứu một hệ thống tư tưởng chính trị mạch lạc lại là một điều không thể quên được.

Chủ thuyết chính trị được quan niệm như địa bàn, như bộ xương cho các hoạt động chính trị. Chủ thuyết còn phải bao gồm quan niệm về vị thế vũ trụ, vị thế con người và xã hội. Vì vậy thật là một lúng túng lớn lao cho các chính đảng khi phải lý luận để bênh vực lập trường đường lối của mình trong sinh hoạt chính trị hàng ngày vì thiếu một chủ nghĩa chính trị. Trở ngại này còn đáng quan tâm hơn khi kẻ thù Cộng Sản có một chủ thuyết Duy Vật và biện chứng pháp ăn khớp nhịp nhàng, ưu thế này đã khiến cho người cán bộ tuyên vận cộng sản vững tâm hơn nên so sánh với cán bộ tuyên vận quốc gia, khi nhập cuộc tranh luận chính trị.

Thuyết điểm này là một vấn đề quan trọng cần được các lý thuyết gia dân chủ suy nghĩ.

Vấn đề thứ đến trong công tác tuyên vận là nhân sự, tức là người cán bộ. Người cán bộ đóng vai trò phó biên chủ nghĩa, giảng giải các quan niệm và chủ trương chính trị của chính đảng để phục vụ đối tượng, nêu căn sớ sách độn, quân chúng trong các hoạt động chính trị. Nhưng cho đến nay, việc huấn luyện các bộ tuyên vận chưa được các chính đảng đặt nặng cho lắm. Những đảng viên tuyên vận xuất sắc chỉ là một thiểu số, và đáng buồn hơn nữa là các đảng viên này thạo việc là nhờ cá nhân tính, nhờ tự đào luyện hơn là nhờ những khóa hay trường huấn luyện tuyên vận của các chính đảng. Nếu Cộng Sản đặt nặng vấn đề huấn luyện tuyên vận bằng các trường huấn luyện

lừng danh tại Moscow, Bắc Kinh mà người quốc gia lại coi nhẹ, nhất là các đảng phái đấu tranh chính trị với cộng sản thì thật là một khuyết điểm khó chấp nhận.

Cuối cùng, tuyên vận chính trị cần một phương tiện dồi dào về tài chánh, về cơ sở các phương tiện tân tiến thì chánh đảng VN vẫn chưa đáp ứng nổi.

Sự khiêm khuyết một nhật báo, một chủ nghĩa, một lực lượng đảng viên tuyên vận có khả năng, và yểm trợ phương tiện nghèo nàn là một trong những trở ngại nội tại làm trì trệ việc đấu tranh chính trị của các chánh đảng. Ngoài trừ sự khiêm khuyết về chủ nghĩa, các trở ngại sau có thể giải quyết phần nào bằng phương tiện tài chánh, nhưng về lãnh vực này chánh đảng VN lại phải đương đầu với một bài toán nan giải.

II.- Sự thiếu hụt tài chánh.

Vấn đề khả năng tài chánh, hiện nay so với nhu cầu, các chánh đảng đều bị thiếu hụt. Để có thể hoạt động hữu hiệu các chánh đảng cần có phương tiện vật chất, nhất là vấn đề tài chánh để thi hành đảng vụ. Đảng phái có trụ sở làm nơi hội họp, phải có phương tiện sử dụng trong việc tuyên truyền, quảng bá đường lối của đảng đối với quần chúng, phải cần nhiều tiền để trả chi phí cho cán bộ thoát ly làm việc toàn thời gian, để đài thọ chi phí đều hành và cũng để dùng trong các cuộc vận động tranh cử...

Để thù đáp vào nhu cầu này chánh đảng chỉ có thể trông cậy vào 4 nguồn tài nguyên chính sau đây (những biện pháp mạnh của thời giành độc lập không còn thích hợp nữa):

- 1- Nguyệt liễm hay niên liễm của đảng viên
- 2- Sự ủng hộ của các cảm tình viên giàu có, các mạnh thường quân hay tài phiệt bản xứ.
- 3- Nhờ vào sự ủng hộ của các chánh đảng anh em ở ngoại quốc.
- 4- Nhờ vào sự trợ giúp của chính quyền trong nước hay ngoại quốc (1).

Thực ra khó mà trông đợi ở sự đóng góp của đảng viên vì đa số đều nghèo túng. Các giới tài phiệt ở VN thì chưa quen sự ủng hộ các chánh đảng chưa cầm quyền, họ chỉ cầm chạy theo các viên chức chính quyền để có thể hoạt động doanh thương dễ dàng. Còn nhờ vào chánh đảng anh em ở ngoại quốc chắc không được bao nhiêu, sự giúp đỡ chỉ có tính cách tượng trưng mà thôi. Về sự giúp đỡ của các chính quyền VN và ngoại quốc chắc chắn là có, nhưng khó có thể biết sự giúp đỡ đến mức độ nào vì thường được giữ bí mật, hơn nữa dù nhận tài trợ của chính quyền VN hay ngoại quốc thì chánh đảng dễ bị tai tiếng và uy tín có thể bị sút giảm.

III.- Kỹ thuật đảng lỏng lẻo.

Kỹ thuật đảng lỏng lẻo thường đưa đến các việc phân hoá nội bộ, chính đảng tự chia năm xẻ bảy, thực lực suy yếu. Mà đa số các chánh đảng VN mắc phải tệ trạng này, các đảng phái quốc-gia đều có một kỹ-luật quá lỏng lẻo, việc xuất-nhập chánh đảng là một điều hết sức thường tình. Nếu căn cứ vào các điều lệ, nội-quì thì

(1) Tạ-văn-Tài, Các Vấn-Đề Chính-Trị, giảng-văn ban DS, 19. 1971, GHC.

người ta thấy kỷ-luật đảng cũng rất chặt chẽ nhưng không có tính cách mạnh bạo như thời kỳ cách-mạng nữa. Những đảng-viên đi ngược lại tôn chỉ, đường-lối của đảng sẽ bị chèn ép, chèn ép này có thể là phê bình riêng, phê-bình trước hội-nghị, khai trừ có thời hạn hay vĩnh-viễn... Nhưng những biện-pháp chèn ép này giá-trị tùy thuộc vào sự lớn mạnh của đảng uy-tín của đảng đối với đảng viên, sự ý-thức của đảng-viên đối với đảng. Vì kỷ-luật lỏng-lẻo cho nên mỗi đảng-viên đều hành động theo ý riêng của mình không ai tuân phục ai. Trên hàng lãnh đạo thì cũng vậy, các lãnh-tụ hành động theo quyền lợi riêng và sẵn sàng tách ra khỏi đảng nếu hành động mang lại nhiều lợi riêng cho họ. Người ta thấy sự ly khai của các Dân-biểu và Nghị-sĩ và một nhóm ra khỏi một chính đảng trong những thời gian gần đây trở lên thường tình. Tình trạng này khiến cho chính đảng nào có vẻ khá mạnh là có sự phân hóa.

TIẾT II.- NHỮNG TRỞ NGẠI NGOẠI LẠI.-

Là những nguyên nhân bắt nguồn từ không gian chung quanh chi phối sinh hoạt chính đảng, những trở ngại ngoại lai, có thể kể những loại chính như sau: Trở ngại về phương-diện pháp-lý, nhu cầu đòi hỏi thiện chí của các chính-đảng bạn, của chính-quyền và khó khăn do Cộng sản gây ra.

I.- Trở ngại về phương-diện pháp-lý.

Theo quan niệm của những nhà soạn thảo quy-chế chính-đảng, nhất là đối với tác-giả của Sắc-luật 060, có lẽ những tác giả này nghĩ rằng trong hiện tình chính đảng VNCH, muốn đạt được một sự kết hợp rộng rãi giữa các chính đảng Quốc-gia thì cần phải dùng đến các phương tiện pháp-lý với những điều kiện khó khăn mà không chính-đảng nào có thể đứng một mình nếu không có hậu thuẫn rộng rãi

của quần chúng. Qua -điểm này có thể đứng trên một khía cạnh nào đó nêu quan-niệm rằng khung-cảnh pháp-lý là chất xúc-tác đầu tiên trong một chính sách toàn diện và trường-kỳ, nhưng nó sẽ trở thành sailâm khi coi đó là một động lực duy nhất để kết hợp chính-đảng. Thực ra, việc cải tiến tình-trạng đảng phái, ngoài khung cảnh pháp-lý, còn có các yếu tố khác như: Yếu tố xã-hội, tâm-lý, kinh-tê, lịch-sử...

Vì vậy, các chỉ tiêu qui định trong sắc-luật 060, nêu khung cảnh một quốc-ia tân tiến, trình độ dân trí cao, được ý thức chính trị đã được đào luyện thì hợp lý, riêng tại VNCH một quốc-gia mới tạm gọi là ổn định chính-trị, đang có chiến tranh trình độ tham gia chính-trị của dân chúng thấp kém thì các chỉ tiêu này lại tỏ ra quá khắt khe. Hậu quả của nó sau hơn một năm ban hành là sự rút lui hầu hết các chính-đảng được hợp thức hóa theo luật 09/69 ngoại trừ đảng của chính quyền hội đủ các chỉ tiêu đó mà thôi. Sự rút lui này không có nghĩa là các chính đảng hoàn toàn ngưng hoạt động mà họ vẫn hoạt động trong vòng bí mật, bất hợp pháp. Kết cuộc tình trạng vẫn còn tồn tại.

Do đó, cho đến nay yếu tố pháp lý vẫn còn một vài khía cạnh làm trở ngại cho việc xây dựng một hệ-thống chính đảng hợp pháp và lành mạnh.

II.- Thiệt chí của chính-quyền.

Tình trạng chiến tranh cầu kết với thái độ thiếu cởi mở của chính quyền tạo một bức bình phong cản trở sự tiên hóa của đảng phái. Quyền hành của cơ-quan hành-pháp trở nên rộng rãi hơn bao giờ hết khi đã ban hành tình trạng chiến tranh, trong chiều hướng đó thì tiếng nói đối lập là một tiếng nói bấp bênh vì lúc nào cũng có

thể bị chụp mũ là trung-lập thân cộng. Trung-lập và thân cộng là hai
khí giới lợi hại có thể giết chết các chính đảng đấu tranh xây dựng
nền dân chủ bất cứ lúc nào vì khái niệm quá rộng rãi và mơ hồ của nó.
Một khác, pháp-lý đảng phái còn nhiều khe hở để cho chính quyền
có thể lợi dụng, chi phối nặng nề các sinh hoạt chính đảng. Như
việc từ chối cấp phái lai nếu có phần tử cộng sản, thân cộng, trung
lập trong thành phần sáng lập viên, ban chấp hành trung ương. Sắc
luật 012-IT/SLu ngày 19/6/72 còn cho phép sự kiểm soát trụ sở địa
phương địa phương bằng lệnh biện lý cuộc thay vì phán quyết của tòa
án. Như vậy, sự phát triển chính đảng còn tùy thuộc thiện chí của
chính quyền rất nhiều. Nhất là hiện nay sự hiện diện của một đảng
cầm quyền ở khắp các địa phương, các chính đảng đối lập có thể
bị chèn ép nếu chính quyền không tôn trọng trò chơi dân chủ.

III.- Sự phá hoại của bạn và thù.

1/- Về phía bạn.

Lực lượng đảng phái quốc gia khó đương đầu
với cộng sản giữa tình thế chính trị đòi hỏi, trừ phi loại bỏ được
sự tự tôn về thành tích cách mạng cá nhân, óc lãnh tụ độc đoán. Thế
kết hợp đảng phái gặp trở ngại là vậy. Ngoài ra các đảng phái trong khi
tranh giành quyền lợi địa vị, ảnh hưởng đã không ngăn ngại tổ các
bối lộ lẫn nhau. Đảng ngoài chính quyền thì 'vạch lá tìm sâu', trong
khi đảng trong chính quyền lại dùng những 'thủ thuật' để loại trừ
đối lập.

2/- Về phía thù.

Lẽ dĩ nhiên với một lực lượng chia rẽ như
trên làm một đảng cộng sản xác quyết, một trở lực chính cho các chính

đảng quốc gia. Với chủ trương tiêu diệt các phần tử các đảng phái quốc
và xem việc loại trừ thành phần này là một công tác có tầm quan trọng
đặt biệt. Theo các tài liệu được báo chí đăng tải, trung ương đảng
Cộng Sản đã chỉ thị cho cán bộ đảng cộng sản sát hại các đảng viên quốc
gia, cho đó là một hành động cứu nước và có giá trị như giết một cô
vân 'y' (1) đã xác nhận mục tiêu nhằm tận diệt đảng phái quốc gia, vì
sự vững mạnh của chính đảng quốc gia sẽ đưa tới một sự sụp đổ của đảng
cộng sản.

KẾT LUẬN PHẦN I.

Chủ trương không dung hợp Cộng-Sản đảng phái quốc
gia chấp nhận đương đầu với các thủ thuật đấu tranh chính trị của
cộng sản miền nam. Con đường đấu tranh với Cộng Sản còn dài và còn
nhiều gian nan. Tương lai sự sống còn của chế độ tự do là kết quả
của đấu tranh chính trị, nếu các đoàn thể quốc gia thắng thì miền
nam hy vọng yên ổn phát triển, còn ngược lại, thì hậu quả thật là khó
lường vì việc 'nghệ thuật hóa bạo lực' sẽ còn tiếp diễn mãi mãi.

Kẻ thù thì vũ trang giảo quyết, còn nội thù thì
không phải là không đáng kể, chính đảng quốc gia phải đương đầu với
một hần cảnh xã hội mới phát triển dân chủ. Hình ảnh độc tài quân
phiệt và phân hóa nội bộ trong khối quốc gia là những ám ảnh triền
miên trên con đường xây dựng dân chủ tự do.

Trước hai thế lực Cộng Sản và trí tuệ dân chủ ấy,
đảng phái cần được vũ trang tinh thần, tái tổ chức và yểm trợ phương

(1) Nhật báo Sông, Số 697 ngày 9/5/57 .

tiện để đùn sức hoàn tất vai trò lịch sử của nó, để lại hệ
thống chánh đảng thích ứng chính là nội dung của phần hai luận văn phải
nghiên cứu .

$\frac{O^{c-}}{///}$ $\frac{O^{c-}}{///}$

PHẦN THỨ HAI

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH ĐẢNG
ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ

CĂN XÂY-DỰNG VÀ PHỔ-QUÁT HÓA MỘT SỐ QUAN-NIỆM

Có một số quan-niệm căn bản mà những người lưu tâm đến việc hoàn thành vai trò chính đảng, dù vô tình hay cố ý, cũng không thể nào quên được, đó là một nhu cầu xây dựng chủ nghĩa quốc-gia, để đối đầu với chủ nghĩa cộng sản và phải xem việc chống cộng là độc quyền của nhà nước. Song song với tư tưởng chống cộng đó là việc cần thiết phải xác định lại quan-niệm đối lập chính-trị. Trong đó, vai trò chính đảng sẽ phối hợp nhịp nhàng với chính-quyền để xây dựng một cơ chế dân-chủ và thực sự.

TIẾT I.- XÂY DỰNG MỘT CHỦ NGHĨA QUỐC-GIA.

Cuộc đấu tranh chống Cộng-sản là cuộc đấu-tranh ý-thức hệ, do đó muốn chống cộng hữu hiệu cần có một lập trường quốc-gia vững chắc. Lập trường quốc-gia này tìm thấy ở đâu, nếu không phải phát nguồn từ một hệ-thống tư-tưởng mạch lạc đặt căn bản trên tinh thần dân chủ tự-do, dựa vào những giá-trị truyền-thống của dân-tộc - Đó là chủ-nghĩa quốc-gia cần phải xây dựng - Mọi người quốc gia nói chung, và các đảng phái nói riêng có trách-vụ tìm một nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa.

Thời Lẽ I Cộng-hòa, thuyết Nhân-vị đã được đề xướng, thuyết này dựa vào căn bản học thuyết 'Duy-linh', lấy sự tôn trọng nhân phẩm và phát-triển cá nhân toàn diện để chống lại chủ nghĩa Cộng-sản - Chủ-trương nô-lệ hóa con người vào các mục tiêu chính-trị và

cứu-cánh biện minh phương-tiện - Chủ thuyết Nhân-vị đã vị trí hóa đời sống cá nhân gồm phần vật chất và tinh-thần (hồn và xác) giữa khung cảnh gia-đình và xã-hội dùng Nhân-vị để định hướng chính-trị kinh-tế, văn-hóa và xã-hội theo quan-niệm 'Nhân chi Linh-ư Vạn-vật'. Theo chủ thuyết Nhân-vị, lý-tưởng chung của người Việt là yêu tổ Quốc-việt, bác-vệ độc-lập giang sơn xú sở, nổi chí oanh-liệt của tổ-tiên và duy-trì cơ nghiệp vĩ-đại của tiên nhân. Đạo lý chung của người Việt là yêu chuộng tự-do, tôn trọng nhân phẩm, phát-triển dân chủ và xây dựng công bình xã-hội.

Xét về hình thức, chủ thuyết Nhân-vị có tác dụng chống lại chủ trương tam vô : Vô gia-đình, Vô tổ-Quốc, vô Tôn-giáo của Cộng-sản. Nhưng về nội dung, chủ thuyết này mang nặng màu sắc tôn-giáo và có tính chất một lý thuyết về luân-lý nên không được phổ quát để mọi người sử-dụng làm ý-thức hệ chôn Cộng-sản.

Trong suốt thời đệ nhị cộng hòa đã thiếu hẳn một lý thuyết chính-trị để hướng dẫn tư-tưởng quần chúng. Người ta chỉ thấy lý thuyết dân chủ tự-do tàng bực trong các chương-trình chống cộng và thể hiện qua mục-tiêu quốc-gia là xây dựng dân-chủ của chế độ. Vì thiếu lý-thuyết hướng dẫn nên các lực lượng chính-trị không xây dựng được chính sách trường-kỳ liên tục và các chương trình thường chỉ có giá trị từng giai đoạn. Trong khi các đảng phái chính trị có một khoảng trống tinh thần (Spirituel vaccum) như vậy thì Cộng-Sản đã khéo léo sử dụng chiêu bài ái quốc, chống bất công xã hội qua đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc bằng khẩu hiệu 'Chống lý cứu nước' để có thể đem ý thức hệ cộng sản trám vào khoảng trống tinh thần nói trên.

Như vậy, lý tưởng quốc gia xây dựng có thể do sự hệ thống hóa những tư tưởng đã có sẵn đặt căn bản ở truyền thống dân tộc, sự thích ứng hóa ý niệm tự do dân chủ Tây phương và hoàn cảnh VN, vì con người chỉ có thể tranh đấu và phụng sự lý tưởng khi được thúc đẩy bởi những điều kiện thích ứng với nhân sinh quan và vũ trụ quan của cá nhân. Lý tưởng quốc gia là một lý tưởng dựa vào nguyên tắc hợp lý vừa bảo vệ được tập thể và cộng đồng xã hội đồng thời thích hợp theo trào lưu tiến hóa của nhân loại (1). Đây là một ý thức hệ xây dựng từ tư tưởng dân chủ tự do phù hợp với nền văn hóa dân tộc.

Theo quan niệm của Linh Mục Trần hữu Thanh, chủ thuyết chống cộng sản phải bắt nguồn từ một tinh thần vững mạnh và cao đẹp hơn cộng sản, một điệu cảm cao siêu và một lý tưởng lon lao hùng mạnh. Điệu cảm này xây dựng một trật tự cuộc sống hòa hảo gồm 5 yếu tố: Nhân phẩm con người phải phát triển toàn diện, gia đình phải hoàn hảo, quốc gia phải an ninh thịnh vượng, cộng đồng huynh đệ và đồng tiến, Tôn giáo phát triển cực độ. Lý tưởng hùng mạnh nội dung là rèn luyện thể xác dẻo dai chịu đựng, trao đổi trí não, ý chí phải mạnh mẽ để sống tự lập. Lý tưởng này nhằm thực hiện trật tự xã hội tốt đẹp hoàn hảo cho loài người (2).

(1) Nguyễn Ngọc Huy' Sự cần thiết của một chủ nghĩa quốc gia cấp tiến'

(NSCT, số 1 tháng 1/69) tr. 12-20

(2) Trần hữu Thanh, Thê bình lý thuyết Cộng sản tài liệu học tập

Số 2, tr. 56-54.

Sau khi đã xây dựng một chủ nghĩa quốc gia, đấu tranh chính trị cần được minh định là của toàn dân, toàn bộ cơ cấu tổng quyền và đoàn thể chính trị trong quốc gia. Xác định như vậy để đánh tan sai lầm, coi đấu tranh chính trị như một độc quyền của nhà nước hay quan niệm khác, là phó mặc đấu tranh chính trị cho nhà nước. Người quốc gia trong bất cứ địa hạt nào, bất cứ thành phần nào trong xã hội cũng không thể thờ ơ đứng ngoài cuộc chiến mà phải được tể động để tham gia vào công cuộc tranh đấu của dân tộc. Như vậy, động cơ nào tác động quần chúng, đó là chính quyền và các đảng phái quốc gia. Vai trò chính đảng lúc này là vai trò điều hướng cho cuộc đấu tranh chính trị, để xuống những chính sách đấu tranh trường kỳ và chiêu bài hay sách lược giai đoạn. Với một tư thế ăn sâu vào quần chúng và độc lập với chính quyền, mặt trận chính trị chống cộng sản có nhiều ưu thế, vì cộng sản không thể lừa bịp quần chúng bằng cách đồng hóa tệ trạng xã hội như tham nhũng, hối mại quyền thế với chủ nghĩa quốc gia cao đẹp được. Nhưng sự thành công còn tùy vào thực chất của chính đảng, vào khung cảnh lỗi sinh hoạt chính trị của quốc gia mà phần lớn từ thiện chí của chính quyền.

TIẾT II. - QUAN NIỆM VAI TRÒ ĐÔI LẬP.

Trong chính thể dân chủ thật sự hiện diện của đôi lập là một điều hết sức chánh đáng, chánh đáng vì thực nhận đôi lập là thừa nhận tự do chính trị. Chẳng những chánh đáng mà đôi lập còn cần thiết nữa cần thiết phẩm tính của đa số chính quyền. Đôi lập còn là tiêu mốt để phân biệt đâu là dân chủ đâu là độc tài. Đôi với chính quyền đôi lập vừa hạn chế vừa kiểm soát vừa cộng tác với chính quyền.

Nói đến đôi lập tức là nói đến các gì ngoài đa số, ngoài chính phủ. Đôi lập ở đây là thiểu số. Đôi lập còn mang đặc tính là phải có sự bất đồng về chính kiến được hệ thống hóa mức độ đại cương, và đôi lập còn phải có tính cách hợp pháp. Như vậy, nói đến đôi lập ở đây người ta có thể nghĩ ngay đến các chính đảng ngoài chính quyền. Như vậy đôi lập là một sự cần thiết phải có trong chính thể dân chủ VNCH theo Hiến Pháp 1967, là một quốc gia lựa chọn con đường dân chủ, nên cũng bắt buộc thừa nhận đôi lập. Sự thừa nhận này được thừa nhận qui định trong điều 101 và 102 Hiến Pháp 1/4/67. Đôi lập còn được định-chế hóa trong luật 9/69 chương 4 từ điều 25 đến điều 29). Thủ lãnh đôi lập theo đạo-luật này giữ vai-trò cố vấn chính-phủ, được thù lao như một nghị-sĩ và được hưởng quyền đặc miễn tài-phần. Thủ lãnh đôi lập là người được các chính đảng và liên minh chính đảng không có đại diện không có đại diện tham gia chính-phủ tự đặt vào thể đôi lập, bầu lên trong một phiên họp công khai.

Tuy nhiên, ý niệm về đôi lập tại Việt-nam hết sức mơ hồ, mặc dầu trên phương diện pháp-lý đôi lập đã được thừa nhận, nhưng tới nay chúng ta chưa có một thủ lãnh đôi lập. Vì quan-niệm về đôi lập khác biệt nhau, đôi khi mâu thuẫn, nhưng vẫn là đôi lập với chính-quyền. Phe chủ trương chống cộng cực đoan, khi thấy chính quyền mềm dẻo với cộng-sản để đạt một thỏa-hiệp chính-trị thì cũng chống lại chính-quyền mà phe hòa hoãn với cộng-sản khi thấy chính quyền cứng rắn với cộng-sản, không nhượng bộ ^{chống} cộng-lại chính-quyền. Như vậy, cả hai khuynh hướng nói trên đều cũng đôi lập với chính quyền nhưng lập trường cả hai lại đối chọi nhau. Chính vì thế mà cho tới nay các phe đôi lập vẫn chưa bầu được một thủ lãnh đôi lập vì ngay các chính đảng đôi lập

lại đối lập với nhau. Hơn nữa khó có lãnh tụ nào chịu nhường địa vị cho lãnh tụ nào.

Lại nữa báo chí và dư luận hiểu lầm ý nghĩa đối lập, họ cho rằng đối lập là chống lại chính quyền một cách cực đoan, cái gì cũng chống, vì vậy họ xoay qua công kích những người có khuynh hướng đối lập rộng rãi nghĩa là sẵn sàng hỗ trợ chính quyền nếu xét thấy có lợi cho quyền lợi quốc gia. Những người khác lại có quan niệm rằng đối lập là chống lại chính quyền bằng phương thức bạo động và chỉ có bạo động mới hữu hiệu. Những người có khuynh hướng này thường không có khuynh hướng thảo luận công khai mà chính quyền cũng ít khi chấp nhận một cuộc thảo luận như vậy cho nên tình trạng lẫn lộn quán lại không lối thoát.

Sự thật đối lập chỉ có nghĩa khi có một sự bất đồng chính kiến về chính trị có tính cách tập thể và hợp pháp. Đối lập cần phải hành xử đúng vai trò của nó là vừa kiểm soát vừa hạn chế lại vừa cộng tác với chính quyền nếu xét thấy có lợi cho quyền lợi quốc gia. Song song với vai trò đó đối lập còn phải tôn trọng qui luật đa số hành động ôn hòa, xây dựng và có tinh thần trách nhiệm

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Một chủ thuyết quốc gia có ý nghĩa và một quan niệm đối lập thích ứng thật là cần thiết nhưng vẫn chưa đủ 'làm nổi mà xuân' trong tình thế hiện tại. Hai quan niệm chỉ là một thành tố trong toàn bộ hệ thống kiến trúc. Muốn chiến thắng Cộng sản trên mặt trận chính trị và thắng tiến trên con đường xây dựng dân chủ thì đề nghị thực tế hơn là kiện toàn hệ thống đảng phái.

Kây dựng các chánh đảng mạnh, để khai triển và thực thi chủ nghĩa quốc gia cũng như hành sử đúng mức vai trò đối lập, là đã đặt nền tảng vững chắc cho việc kiến tạo chính thể cộng hoà - Tự Do Dân Chủ.

()
VCHT

CHƯƠNG II

MỘT HỆ THỐNG CHÍNH LÃNG QUỐC GIA VỮNG MẠNH.

Sau khi xây dựng một chủ nghĩa quốc gia, nhu cầu đấu tranh chính trị còn đòi hỏi phải có một hệ thống chính đảng vững mạnh để tạo ổn định chính trị trong sinh hoạt dân chủ và thực lực quân chúng khi tranh giành ảnh hưởng với cộng sản.

Một hệ thống chính đảng vững mạnh bao gồm hai yếu tố:

- Một mô thức đảng phái thích hợp
- Những thành tố cấu tạo thực lực đảng phái.

TIẾT I. - MỘT MÔ THỨC ĐẢNG PHÁI CHO VIỆT-NAM.

Có nhiều mô thức đảng phái từ độc đảng, đa đảng, lưỡng đảng đến đa đảng tiết chế điều hợp (1). Nhưng trong khuôn khổ hạn hẹp của luận văn, chúng tôi cố gắng duy trì tính cách chính xác và khoa học, đến mức có thể được, nghĩa là tóm lược từng ưu khuyết điểm của các mô thức, từ đó chọn ra mô thức thích hợp nhất cho nhu cầu của hệ thống chính đảng VN đòi hỏi.

I. - Mô thức độc đảng.

Là một mô thức thường được nhiều quốc gia chậm tiến Á Phi ưa thích dựa vào tính cách ổn định chính trị để phát triển xứ sở nhanh chóng.

(1) Trần thị Hoài Trân 'Lực Lượng Chính Trị Chính Lăng' Saigon 1972

Nhưng vì sự phát-triển của chế-độ dân chủ nên mô thức này có một kiểu mẫu biến thái là mô thức 'độc đảng nhưng không độc-tài' có nghĩa là đảng duy nhất này chấp nhận có nhiều khuynh hướng trong nội bộ, đảng chú tâm nhiều đến hoạt động thực tiễn hơn là lệ thuộc vào ý-thức hệ và cô thu hút những đoàn thể khác hơn là tiêu diệt họ.

Trên lý-thuyết, thì mô thức này có thể giải quyết được tình trạng khủng hoảng chính-trị và nhu cầu phát-triển như tại VN. Nhưng trên thực tế, chúng tôi e rằng có nhiều nguy hiểm. Độc đảng mà không độc tài là một điều khó thực hiện, vì độc đảng thường có khuynh hướng độc tài chỉ có 'thánh nhân hay tiên Phật mới không ưa thích quyền lực'. Mặt khác, căn cứ vào tiêu chuẩn gì để có thể cho rằng quốc gia đã phát triển hay chưa phát triển đúng mức hầu ấn định thời gian để ban bố dân chủ tự do? Thật là mơ hồ và không tương. Hơn nữa mô thức này không được chấp nhận, mà đối lện ngày nay thực là cần thiết trong việc phát triển dân chủ. Cuối cùng, kinh nghiệm thực tế của chính mình, Việt Nam Cộng Hòa không bao giờ quên được hậu quả độc tài trong thời Lê I Cộng Hòa.

Như vậy, không thích hợp với hiện tình chính trị tại VNCH, dù rằng sự hiện diện của một đảng phái quốc gia duy nhất vững mạnh là một ưu thế trong việc đấu tranh chính trị chống Cộng Sản.

II- Mô thức đa đảng.

Kiểu mẫu này thường bị chỉ trích vì có hậu quả làm suy yếu thực lực đảng phái. Những người bênh vực mô thức này cho rằng không phải vì đa đảng mà đảng suy yếu, điển hình là Hòa Lan theo chế độ đa đảng mà đấu bó buộc phải hình thành chính trị, những

thời giờ này muốn mạnh không hoảng phát xuất không vì đa đảng mà vì đảng yếu. Nếu tất cả đảng đều mạnh vì hợp tác với nhau để phát triển quốc gia thì đa đảng đâu là cái hại mà còn là dụng cụ để ngăn chặn độc tài.

Thực ra, đa đảng khó mà áp dụng được nhất là trong khung cảnh chính trị VN. Trước hết là phải có điều kiện là sự hợp tác giữa các đảng phái, tìm được điều kiện này còn khó hơn 'm kim đáy bể' trong hoàn cảnh VN hiện tại. Mặt khác, đa đảng còn làm cho chính quyền yếu yếu vì phải chịu đựng một lúc nhiều đảng phái. Sự suy yếu này người ta thường thấy rõ ở các chính phủ liên hiệp. Sau hết khuyết điểm của chế độ đa đảng, nếu áp dụng ở VN, là tạo ra tình trạng đồng đảo đảng phái quốc gia đương đầu với đảng Cộng Sản kỷ luật viên anh cộng sản lũng đoạn chính trường sẽ không xa lắm. Kiểu mẫu đa đảng vì vậy không thích hợp với giai đoạn đấu tranh chính trị của chính đảng VN.

III- Lô thức lưỡng đảng.

Điều 100 Hiến pháp VNCH 1967: Quốc Gia khuyến khích tiến tới chế độ lưỡng đảng! hầu mong có 2 đảng phái lớn mạnh để có thể duy trì tinh cách bảo đảm và bình ổn của chế độ. Chúng tôi không dám lạm bàn đến hiệu quả của điều 100 đã dẫn trên. Nhưng có một số vấn đề cần đặt ra như lưỡng đảng có thể thành hình trong một sớm một chiều để đấu tranh chính trị hay không? chắc chắn là không, vì nếu dùng phương tiện pháp lý để cưỡng bách giải tán các đảng phái và tái tạo mô hình này cũng không mang lại được một kết quả như ý. Vì việc tái tạo này có nghĩa là làm biến đổi một số lượng chính đảng hợp pháp đồng đảo thành 2 đảng hợp pháp và các đảng phái

Chúng tôi xây dựng một hệ thống chính đảng bằng chế độ tuyển cử, nhưng thường muốn đạt tới hệ thống lưỡng đảng phải trải qua một quá trình lịch sử lâu dài. Có người cho rằng hệ thống lưỡng đảng không thích hợp với cơ chế hành pháp có Tổng Thống dân cử và Quốc Hội có nhiều quyền hành như tại VN. Vì rằng nếu hai đảng phái khác nhau chi phối hai cơ quan này thì khủng hoảng sẽ xảy ra, nếu không hoạt động quốc gia cũng bị trì trệ.

IV- Hệ thức đa đảng tiết chế điều hợp.

Với mô thức này theo thiên ý chúng tôi, có lẽ thích hợp với hiện tình đảng phái VN hơn cả.

Đa đảng tiết chế điều hợp bao hàm một quan niệm hệ thống chính đảng gồm 3 hay 4 đảng có tổ chức và kỷ luật vững chắc, với hai đảng có một đa số vượt ra các đảng còn lại. Các đảng phái còn lại có vai trò liên minh giai đoạn với hai đảng lớn để hành sử chính quyền và giữ không cho một trong hai đảng lớn này có thể lũng đoạn chính quyền để thiết lập một chế độ độc tài.

Chúng tôi xây dựng một hệ thống chính đảng theo mô thức đa đảng tiết chế điều hợp áp dụng vào VN gồm có 3 đảng. Căn cứ vào chính đảng hiện nay, đảng Dân Chủ của chính quyền, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và đảng thứ ba là các chính đảng còn lại như Miền Minh Dân Chủ Xã Hội, Đảng Cộng Hòa, Lực Lượng Dân Chủ Xã Hội Mặt Trận Thống Nhất VN và nếu có thể thêm các đảng phái bí mật. Trong khung cảnh đấu tranh chính trị, vai trò của đảng thứ ba sẽ là một lực lượng trung dung, có thể sẽ liên minh với đảng Dân Chủ trong các mục tiêu chiến lược đấu tranh chủ nghĩa, nhưng cũng có

thế, sẽ hợp tác cùng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trong các chiến bài
 cải cách như một chính đảng thiên tả. Có thể có người đặt một hoài
 nghi rằng, nếu lực lượng trung dung này kết hợp cùng Mặt Trận Giải
 phóng để thiết lập một chế độ cộng sản thì sao? Điều này có thể
 không bao giờ xảy ra vì mặc dù mang chiến bài lực lượng trung dung
 nhưng nếu xét về thực chất, đảng thứ ba này bao gồm các thành phần
 không chấp nhận cộng sản, nếu không muốn xác quyết rằng đó là thành
 phần chống cộng cực đoan

Trong một bối cảnh như thế cộng cuộc đấu tranh chính
 trị của các chính đảng quốc gia sẽ diễn biến theo một chiều hướng
 tốt đẹp và việc phát triển dân chủ cũng được thực thi sớm, hành.
 Nhưng điều quan thiết cho chính đảng quốc gia là cũng cố thực lực để
 trưởng thành để có thể nhập cuộc một cách vững vàng mà không e ngại
 trước một hào quang quá đặng của đảng cộng sản.

TIẾT II. - NHỮNG THÀNH TỐ CẤU TẠO THỰC LỰC CHO ĐẢNG
PHÁI QUỐC GIA.

Muốn trở nên một đảng phái vững mạnh, chính
 đảng phải hội đủ những thành tố cấu tạo thực lực căn bản sau đây:
 một hệ thống đảng viên đông đảo, kỷ luật và được huấn luyện đúng
 mức. Một khả năng tài chánh dồi dào, vững chắc. Và một tổ chức đảng sâu
 rộng trong quần chúng. Những thành tố này có tác dụng hỗ trợ lẫn
 nhau, thành tố này yểm trợ cho thành tố kia hay ngược lại sự suy
 về một phương diện sẽ lôi kéo theo nhiều phương diện khác suy yếu
 theo. Ngoài ra, sự vững mạnh của chính đảng còn tùy thuộc vào các
 yếu tố ngoại lai như thái độ của chính quyền, tâm lý quần chúng,

đời sống kinh tế quốc gia và tương quan với tôn giáo hay các đoàn thể khác.

Như vậy, muốn lãnh mạnh hóa hệ thống chính đảng hiện nay bằng cách củng cố thúc lực, chính đảng phải vượt qua những trở ngại sâu xa hầu có thể hội đủ điều kiện cấu tạo thực lực của một chính đảng tân tiến. Sau đây là những nét phát họa của chúng tôi về việc vượt qua những trở ngại mà đảng phái quốc gia thường gặp.

LOẠI A.- KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH.

Vấn đề tài chính là một vấn đề nan giải của các chính đảng. Các đảng phái VN hầu như đa số đặt nó là mối ưu tư hàng đầu. Thật vậy, nếu sự thiếu thốn tài chính xảy ra nó sẽ lôi kéo theo bất lợi khác như công tác tuyên truyền huân sẽ không được thực hiện đúng mức, các cơ sở không thể bành trướng, có thể thất bại trong các cuộc tuyển cử...

Đối với vấn đề tài chính, luật 05/69 lại cấm không cho các chính đảng được nhận trợ cấp của quốc gia hay bất cứ cơ quan nào của quốc gia. Đây là một hình thức của tinh thần cấm sử dụng phương tiện của chính quyền vào sinh hoạt đảng phái. Chúng tôi thiết nghĩ, nếu quốc gia ý thức được vai trò thiết yếu của chính đảng trong sinh hoạt chính trị mà lại không có một sự giúp đỡ thiết thực nào cả, thì quả là một sự nửa thườn hết sức. Vả lại, nếu luật qui định điều cấm trên cũng nhằm mục đích tạo một môi trường công bằng trong việc phát triển đảng phái thì ý định này cũng không được hữu hiệu, dù rằng có luật dự liệu nhưng chính quyền vẫn có thể tài trợ một cách lén lút cho các chính đảng, thân chính quyền hay bị chính quyền mua chuộc. Chúng tôi nghĩ

rằng việc quốc gia tài trợ công khai cho các chính đảng là một điều hợp lý hơn là cam đoan. Tại Tây Đức, con số ngân sách quốc gia trợ cấp cho các chính đảng lên đến 58 triệu tỷ kim (khoảng 40 tỷ bạc VN) mỗi năm, điều này minh chứng rằng việc quốc gia trợ cấp cho các đảng phái chưa hẳn là một điều tai hại. Liệu khó khăn có thể xảy ra ở đây là tài trợ các chính đảng theo tiêu chuẩn nào cho hợp lý. Dựa trên số đảng viên? Dựa trên số đảng bộ? Hay dựa trên số đại diện dân cử tại Quốc Hội? Thiết tưởng, giải pháp dựa trên tỷ lệ dân cử tại Quốc Hội là hợp lý hơn cả. Việc tài trợ dựa trên tiêu chuẩn này còn khiến cho các đảng phái cố gắng kết hợp nhau để đưa người vào Quốc Hội. Khi đó nghị trường bị chi phối bởi đảng phái là một hình ảnh lý tưởng mà chính các tác giả luật 09/69 và 060 mong ước. Sự tài trợ này chỉ có tánh cách giai đoạn, cần phải bớt dần hay ngưng hẳn khi chính đảng đã phát triển và có khả năng tự lực cánh sinh.

Việc tài trợ các chính đảng phải được công khai hóa trong ngân sách quốc gia để cho mọi người cùng biết. Có như vậy mới hy vọng giúp các chính đảng một cách thiết thực trong việc cùng cố thực lực.

ĐOẠN B.- VẤN ĐỀ ĐẢNG VIÊN.

I- Số lượng.

Một chính đảng quân chúng bao giờ cũng cho người ta một cảm tưởng vững mạnh hơn một chính đảng cán bộ. Điều này thực ra không xác đáng lắm, nhưng việc gia tăng đảng viên trong mọi thời kỳ là một điều cần thiết. Vì nhu cầu phát triển tổ chức, thay thế các đảng viên già yếu và nhất là để phô trương ưu thế. Con số đảng viên của một

chính đảng để tạo một ấn tượng về thực lực của đảng đó. Như trong thời kỳ trước luật 09/69 có những đảng phái chỉ qui tụ chừng vài trăm đảng viên làm cho người ta thấy ngay sự suy yếu của đảng này. Hiện nay, nhân số đảng viên vẫn là một vấn đề đáng quan ngại đối với các đảng vừa được cấp phát lại theo điều kiện của sắc luật 060. Những điều kiện đòi hỏi quá mức của đảng viên trong sắc luật này hợp cùng việc cấm quân nhân tại ngũ gia nhập hay sinh hoạt đảng phái là một hàng rào khá vững chắc ngăn cản sự phát triển của các đảng phái Việt Nam. Thiết tưởng việc ngăn cấm quân nhân không được sinh hoạt đảng phái không hợp lý lắm, có lẽ các nhà lập pháp muốn duy trì một kỷ luật vững chắc trong tập thể quân đội nhằm ngăn ngừa việc lợi dụng tập thể này trong các sinh hoạt chính trị vì dễ gây ra xáo trộn bạo động, thực ra lý do này không được vững chắc cho lắm, vì đối với tập thể công chức và cán bộ thì không cần một kỷ luật chắc chắn hay sao? do đó chúng tôi tưởng rằng việc cho phép các quân nhân gia nhập và sinh hoạt đảng phái là một điều cần thiết miễn sao các quân nhân này biết tôn trọng sự phân biệt sinh hoạt quân ngũ và sinh hoạt đảng vụ. Vì hiện nay thanh niên trong lứa tuổi từ 18 đến 40 bị chi phối nặng nề bởi nghĩa vụ quân sự trong lúc ấy chính đảng thiếu trầm trọng các đảng viên trẻ trung và nhiệt thành. Mặt khác nếu luật pháp cho giữ nguyên đảng tịch trong thời gian tại ngũ thì đó là một điều vô ích khi mà quân nhân đó bị cấm sinh hoạt đảng phái. Sau hết, thực khó mà kiểm soát hoạt động chính trị của các ^{vị} chỉ huy quân sự hiện nay như quận Trưởng Tỉnh trưởng và ngay cả Tổng thống VNCH đương nhiệm là một quân nhân tại ngũ cũng lại là 1 trong những thành phần lãnh đạo đảng Dân chủ

Cho nên việc của đời sống lý tưởng của chúng ta là một điều cần thiết. Sự cho phép quần nhân sinh hoạt chính đảng sẽ giúp cho các đảng phái một nguyên nhân lực dồi dào và người quần nhân hành sự trọn vẹn tư cách công dân trong cộng đồng quốc gia.

II.- Kỷ luật đảng.

Kỷ luật đảng lỏng lẻo cũng là một nguyên nhân phân hóa quốc gia. Nhất là trong giai đoạn đấu tranh chính trị, đương đầu với một lực lượng cộng sản có kỷ luật vững chắc, sự phân hóa chính đảng quốc gia là một tai hại vô lường.

Sự tuân hành đường lối, chỉ thị của đảng viên đối với đảng phái được triệt để tôn mọi sinh hoạt chính trị, nhất là trong hoạt động nghị trường. Vì hình thức duy trì kỷ luật đảng bằng vũ lực ngày nay không còn được chấp nhận nên chúng tôi thiết tưởng việc sử dụng pháp chế như một phương tiện giúp duy trì kỷ luật đảng là một điều cần thiết và hữu hiệu trong sinh hoạt nghị trường. Pháp chế (theo sắc luật 060) ấn định đảng phái giới thiệu ứng cử viên, một hình thức mô phỏng theo điều 36 Hiến Pháp Đại Hàn, là một ưu điểm nhưng nếu bất chức trọn vẹn như điều 38 Hiến Pháp này thì lại càng hữu ích hơn nữa, theo điều này thì (vị nào từ bỏ đảng mình hay thay đổi chính đảng, hay vì lý do đảng mình bị giải tán trong nhiệm kỳ Quốc Hội sẽ bị mất ghế Dân Biểu. Điều khoản sẽ không áp dụng trong trường hợp Nghị Viên bị trục xuất ra khỏi đảng hoặc khi có sự hợp nhất chính đảng). Thực tế tại VN cũng đã cho thấy nhiều vị Dân Biểu hay Nghị Sĩ đã ly khai khỏi đảng, liên danh sau khi đã đắc cử. Đây là một tai hại rõ rệt, vì các vị này đã đắc cử với lập trường của

III.- Vấn đề huấn luyện chính trị đảng viên.

Có nhiều chánh đảng vì nhu cầu hợp thức hóa việc thành lập nên đã thu nhận ô ạt các đảng viên, để rồi sau đó trở thành một tổ chức tạp đa, gồm nhiều đảng viên với các trình độ trí thức chính trị khác nhau. Sau việc hợp thức hóa, chánh đảng đã lơ trong vấn đề huấn luyện chính trị cho các đảng viên, đôi khi bỏ rơi hẳn, nên việc hoạt động chính trị của các đảng này chỉ bao gồm ý kiến của một thiểu số, của một nhóm người hoạt động đặc lực mà thôi. Sự kiện này đã tạo ra những chánh đảng không hội đủ thực lực mong muốn hay tình trạng có nhiều quan điểm chính trị khác nhau trong một chánh đảng gây trở ngại không ít trong việc phổ biến lập trường tư tưởng chính trị.

Chúng tôi thiết tưởng việc huấn luyện chính trị đảng viên còn trở nên cực kỳ quan trọng trong giai đoạn đấu tranh chính trị với cộng sản. Một đảng có một số đảng viên đông đảo có kỷ luật cứng chưa đủ để chiến thắng trong trận đấu tranh chính trị với cộng sản vì mỗi đảng viên đảng phái quốc gia phải coi như một cán bộ tuyên vận đặc lực để quảng bá chủ nghĩa quốc gia và vạch trần những âm mưu chính trị cộng sản. Với một trình độ chính trị vững chắc sau khi được huấn luyện thì người cán bộ này mới có thể thông suốt quan niệm, đường lối của đảng, của chủ nghĩa quốc gia hầu có thể gạt hái được những thành quả tốt đẹp trên mặt trận chính trị.

HOÀN C.- MỘT TỔ CHỨC CƠ SỞ VỮNG CHẮC VÀ RỘNG MÀI

Một chánh đảng ra hồn ! phải là một chánh đảng có ít nhất một số cơ sở nào đó. rất ...

cơ sở và đảng viên này phải được trải rộng trên toàn lãnh thổ. Không thể nào quan niệm được rằng chính đảng chỉ gồm một số ít người, cơ sở qui tụ tại Hồ Thành hay một vài tỉnh. Một chính đảng như vậy là một chính đảng 'què cụt', không có tầm vóc quốc gia. Do đó, sắc luật 060 đã ấn định tỷ lệ tối thiểu là 1/2 Hồ Tỉnh Thị Độ trong tổng số đô tỉnh thị xã toàn quốc (như vậy, tối thiểu là 27 đơn vị) trong đó bắt buộc phải có Hồ Thành bộ. Đây là một quan niệm tiên bộ của pháp chế đảng phải được ghi nhận trong sắc luật này. Với một hệ thống cơ sở rộng rãi như vậy, chính đảng mới có đủ thực lực, phương tiện để đóng vai trò huấn luyện chính trị công dân một cách đồng đều, để thu nhận những ý kiến nguyện vọng của các tầng lớp dân chúng địa phương trong vị thế thống nhất hai chiều giữa nhân dân và chính quyền. Sự hiện diện của các đảng bộ địa phương như 'tai' như 'mắt' của chính đảng, nhờ đó mới có thể theo sát được biến chuyển chính trị tại địa phương hầu trung ương đảng bộ có thể bày tỏ quan niệm kịp thời về những sự kiện đó. Các đảng bộ tại địa phương còn được sử dụng như một thứ chỉ nhánh của cơ quan ngôn luận chính thức đảng trước các biến chuyển thời cuộc. Các đảng bộ này có thể phổ biến đến tận quần chúng lập trường chính trị hợp thời trong chiều hướng hướng dẫn sinh hoạt chính trị của nhân dân.

Với khung cảnh đấu tranh chính trị thì sự phân bố các đảng bộ địa phương được coi như tượng trưng cho trọng tâm sách lược trên tuyến của đảng đã chọn lựa. Trong chiến sách chiến tranh chính trị, chính đảng phải chọn lựa mục tiêu và xếp đặt ưu tiên cho các mục tiêu này. Trọng tâm của đấu tranh chính trị có thể là thôn quê hay thành thị, đồng bằng hay cao nguyên, lao động hay tư bản, vô sản hay

theo mục tiêu mà đặt trọng tâm tại khu vực đã lựa chọn. Tổ chức các cơ sở đảng bộ tại địa phương phải đặt nặng vào trọng tâm (đi xuống, đấu tranh) Sự chọn lựa khu vực, giai cấp này có tính cách hướng dẫn mũi dùi chính trị của đảng tập trung lại để đạt thắng lợi vì sự phân tán thường gây ra tác dụng suy yếu các thành quả thu lượm.

LOẠI D. - SỰ CHI PHỐI CỦA CÁC YẾU TỐ NGOÀI LẠI.

Sự hữu hiệu và chính xác của các thành tố cấu tạo thành lực của đảng phái còn tùy thuộc rất nhiều vào những yếu tố bên ngoài đảng như thiện chí của chính quyền, đời sống kinh tế quốc gia, tình lý quân chúng...

I- Thiện chí của chính quyền.

Đáng lẽ trong chế độ dân chủ tự do việc sinh hoạt đảng phái có kết quả hay không là việc của những người làm chính quyền của các lãnh tụ chánh đảng. Nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt hiện nay của nước ta thì chính quyền có một trách nhiệm hệ trọng. Có người cho rằng trong chế độ dân chủ tự do thì chính quyền không nên can thiệp tùy nhiên, điều không thể quên được rằng chánh đảng cũng là một định chế trong bộ máy nhà nước, một định chế căn bản hiến định, nhất là trong giai trở khó khăn là chống cộng và xây dựng dân chủ. Vì vậy những tài quan niệm rằng trong công cuộc chung của đất nước nhiệm vụ của chính quyền cũng rất quan trọng.

Đối với việc đấu tranh chính trị chống cộng sản, các cấp lãnh đạo chính quyền còn có nhiều thiện chí, gạt bỏ tự hiểm để chính đảng để tổ chức này đảm nhiệm vai trò trước lịch sử. Cần phải xem chánh đảng là một cơ phận then chốt hợp tác với chính quyền

để tổ chức nhân dân chống cộng, xây dựng đất nước chứ không phải là tổ chức để cạnh tranh với chính quyền. Vì vậy, chính sách thích nghi về chính đảng cần được thảo luận sâu rộng hơn, đặt căn bản trên tình thân xây dựng giữa chính quyền và các đoàn thể đảng phái trong lập trường chống cộng sản, nhất là cần sự thỏa hiệp giữa chính quyền và đối lập trong lãnh vực hoạt động về các mục tiêu quốc gia. Trong khi đó, chính đảng phải phục vụ quyền lợi tối thượng của dân tộc và khi cần thiết sẽ bắt tay chắc chắn với chính quyền để loại trừ cộng sản

khác, với việc đấu tranh chính trị xây dựng dân chủ, chính quyền phải cố gắng thể hiện một không khí chính trị dân chủ, bảo đảm các điều kiện cần thiết cho chính đảng sinh hoạt, trưởng thành và tranh đua dễ dàng. Tự do cá nhân, tự do đi lại tự do bầu cử và ứng cử cần phải được tôn trọng. Chính quyền còn có nhiệm vụ giúp đỡ phương tiện như cấp một hội trường chung cho các chính đảng đối lập để các đảng phái này có nơi gặp gỡ, hội họp hầu tiến tới những sự kết hợp có tầm vóc lớn. Chính quyền còn phải chấp nhận trò chơi dân chủ, qui luật của đa số và tự tiết chế khi có việc phải sử dụng lợi thế cầm quyền trong khi sinh hoạt đảng chính quyền.

II.- Đời sống kinh tế quốc gia.

Tương quan giữa ba mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế rất chắc chắn. Thắng lợi trên mặt trận quân sự chưa phải là yếu tố quyết định cho cuộc chiến, sự quyết định này còn tùy thuộc vào mặt trận chính trị và kinh tế. Tình trạng thiếu hụt ngân sách để đài thọ chiến tranh là một trong những nguyên nhân làm gia tăng áp lực lạm phát, từ đó những bất ổn trong đời sống kinh tế trở thành những đe

mục đấu tranh hấp dẫn của phe cộng sản. Lợi tức thấp kém của đa số quần chúng dễ xô đẩy họ về phía quân chúng vì họ hy vọng có một tương lai với mức sống cao hơn hiện tại. Sự nghèo khổ của dân chúng cũng ảnh hưởng đến tình trạng sinh hoạt của các đảng viên, vì phải mưu cầu cơm áo bản thân và gia đình các đảng viên này không thể nào làm việc toàn thời gian cho chính đảng.

Như vậy yếu tố kinh tế là yếu tố ngoài tầm tay của chính đảng đã chi phối mạnh mẽ đến hoạt động đấu tranh chính trị. Giải quyết khó khăn này cũng còn tùy thuộc vào vai trò của chính quyền trong việc nâng cao đời sống dân chúng.

o-
()

KẾT LUẬN PHẦN THỨ BÁT

Một chủ nghĩa quốc gia vừa phức tạp để đối đầu hữu hiệu với chủ nghĩa cộng sản, một quan niệm chính đảng về vai trò đối lập làm chỉ đạo cho việc xây dựng dân chủ, một hệ thống chính đảng lãnh đạo có thực lực để hoàn tất nhiệm vụ lịch sử giao phó. Nhân dân vẫn đề khó khăn, nhiều đề nghị cải tiến, xây dựng mong hữu hiệu hóa hệ thống chính đảng nhưng đến nay tình trạng đảng phái quốc gia cũng chưa đạt được như ý. Người ta cho rằng có nhiều yếu tố ngoại lai phức tạp đã chi phối mạnh mẽ vào cơ chế đảng phái khiến cho việc cải tiến bị trì trệ hay bất hữu hiệu.

Vì vậy, trong khi xây dựng những đề nghị về vai trò chính đảng, chúng tôi cũng dành một chút e dè cho những yếu tố ngoại lai ảnh hưởng chí của chính quyền và áp lực từ chính trường quốc tế cùng đời sống kinh tế quốc gia có thuận lợi hay không, sự thuận lợi này coi như một cơ duyên mai mắn của đảng phái quốc gia trong khi mưu tìm một giải pháp toàn bộ của vấn đề cải thiện.

TỔNG LUẬN

I./ Một qui chế chánh đảng thái nhện khó khăn và một thực tế đa đảng bệnh hoạn.

Chánh đảng Việt nam đã trưởng thành trong cách mạng, đây là một niên hãnh diện lớn trong lịch sử. Chánh đảng đã làm lịch sử bằng xương máu và tâm huyết của những nhà ái quốc, tên tuổi hay vô danh, nhưng chánh đảng cũng chịu những cơn lốc thăng trầm theo biến chuyển thời gian. Từ một chánh đảng được tổ chức theo khuôn mẫu đảng cách mạng, các đảng bộ được kể như những cơ phận độc lập và không hề biết nhau theo hình thức phân gian, tiểu tổ, để giữ tính cách bí mật của đảng phái tối đa trước hệ thống mật vụ thực dân. Tiếp theo là chế độ độc tài cá nhân của Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng không nhằm giúp các chánh đảng làm quen với không khí sinh hoạt công khai hợp pháp. Từ đó, hệ thống đảng phái coi như chịu thêm tai ách phân hóa trầm trọng hơn trong hệ thống chánh đảng quốc gia. Sự phân hóa của chánh đảng có lúc lên đến mức cùng cực hàng trăm chánh đảng trong một quốc gia mười mấy triệu dân. Nhiều người quan tâm đến sinh hoạt chính trị không khỏi lo ngại cho tiềm năng chính trị nước nhà. Trong khung cảnh p phân hóa như vậy, các chánh đảng lại ít chú trọng đến việc củng cố thực lực mà thường tranh giành lợi lộc, ảnh hưởng cho nhu cầu thấp hèn. Tình trạng phân hóa này khiến cho các vị lãnh đạo quốc gia cũng như quần chúng thường nhìn hệ thống đảng phái như những 'quái thai' chính trị, chỉ nhằm mục đích xôi thịt. Lập trường của các lãnh tụ trước các vấn đề thường không được vững chắc, nên dư luận báo chí đã coi như một tình trạng '10 lãnh tụ có 11 lập trường chính trị'. Các nhân vật lãnh đạo chính quyền đã sử dụng người của chánh đảng trong các chức vụ nội các như những hình

thúc trạng điếm cho chế độ dân chủ. Tình cảnh thật bi đát.

Song song với một thực tế đầy tệ trạng như vậy thì qui chế về chính đảng đã hình thành một cách khó khăn. Dù rằng Hiến Pháp 1/4/67 công nhận vai trò thiết yếu của chính đảng và ấn định rằng sẽ định chế hóa chính đảng bằng một đạo luật chi tiết, nhưng việc soạn thảo qui chế của các nhà lập pháp không đáp ứng được nhu cầu củng cố và lãnh đạo hóa chính đảng. Qui chế chính đảng đã không thực hiện được trọn vẹn vai trò kết hợp đảng phái như mong mỏi của các tác giả, Sau 3 năm ra đời, cuối năm 1972 con số chính đảng được hợp thức hóa ở mức 23 đảng đã minh chứng được sự kiện này. Trước sự hồi thúc của tình thế đòi hỏi trong việc đấu tranh chính trị với cộng sản để sống còn trong thế chế tự do là nguyên nhân khiến Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ban hành sắc luật 060-TT/SLu ngày 27/12/72 sửa đổi qui chế chính đảng về điều kiện thành lập và giải tán. Sắc luật này có nhiều ưu điểm nhưng khuyết điểm cũng không phải là nhỏ. Những điều kiện thành lập quá khắc khe về nhân số, là một trong những khuyết điểm này. Điều kiện này được mô tả như một liều thuốc quá mạnh không tương xứng với bệnh trạng của các chính đảng, đòi hỏi một số lượng đảng viên hùng hậu trong một thời hạn ngắn là 12 tháng như 'bắt một đứa trẻ chưa biết bò phải chạy'. Quan tâm tới cảnh ngộ của các chính đảng, Quốc Hội đã sửa đổi thời hạn hợp thức hóa lên 24 tháng để đảng phái đủ thời giờ qui tụ đảng viên và tổ chức cơ cấu. Nhưng sự sửa đổi này cũng bị nhiều phe phái chế trách như một hành vi nửa vời, chỉ có lợi cho chính quyền trong bộ mặt dân chủ, không phải là một chế độ độc đảng mà là chế độ độc đảng

trá hình. Những lời phê phán này phải nhìn nhận là quá nghiêm khắc vì dù sao các tác giả của luật 02/74 cũng mong mỗi thành lập được những chính đảng có đầy đủ thực lực như sắc luật 060 nên chỉ cần thay đổi thời hạn hợp thức hóa. Dù với thiện ý, nhưng sự kiện qui chế chính đảng đã bị sửa đổi nhiều lần mà vẫn chưa thích ứng được nhu cầu thực tế (vì có nhiều chính đảng đã rút vào bóng tối hoạt động bất hợp pháp). Như vậy, một căn bản pháp lý thai nghén quá khó khăn song song với một tình trạng đầy rẫy trở ngại nội tại cũng như ngoại lai của chính đảng là một sự kiện đáng quan tâm. Việc thực hiện vai trò chính đảng thiếu sót cũng bắt nguồn từ tình trạng kém may mắn đó.

Trong khi viết đến phần cuối của luận văn, chúng tôi được một nguồn tin từ giới lãnh tụ Liên Minh Dân Chủ Xã Hội, là việc hợp thức hóa Liên Minh này sẽ thành tựu trong một ngày gần đây. Nếu sự kiện này xảy ra, thì đó là một niềm hy vọng lớn lao cho thành quả của công cuộc đấu tranh chính trị với vai trò chính đảng trong giai đoạn sắp tới.

II.- Vị thế chính đảng quốc gia trong tương lai.

Trong tương lai nếu một giải pháp chính trị thành hình giữa hai phe Miền Nam VN (1) thì vai trò của chính đảng còn nặng

(1) Theo GS Nguyễn Ngọc Huy, nhân viên phái đoàn VNCH tại hội nghị La Celle Saint Cloud, Vấn đề VN dấu sao cũng được giải quyết, những bề tặc hiện tại vì Bắc Việt chưa nhận được 1 đô la viện trợ nào của Mỹ, mặc khác Trung Cộng muốn Hoa Kỳ giải quyết vấn đề Sihanouk ở Kampuchea. Nếu 2 vấn đề này được giải quyết thì vấn đề VN cũng được giải quyết theo.

nữa hơn nữa, trong một cuộc đấu tranh trực diện với Cộng sản.

Có người cho rằng kỷ nguyên bang giao quốc tế hiện tại là kỷ nguyên thỏa hiệp, nên đặt vấn đề chống cộng, trong khi các siêu cường cộng sản và tư bản đã mở liên lạc rộng rãi, là không còn hợp nữa. Chúng tôi thiết tưởng luận cứ này không được xác đáng lắm, vì sự sắp xếp lại các tương quan lực lượng trên thế giới không có nghĩa là hai nếp sống, hai chế độ trái ngược đã xóa bỏ biên cương, mà trái lại, bên nào cũng giữ nguyên và củng cố thể chế của mình và về phía cộng sản chắc chắn chưa chịu từ bỏ chiến lược xích hóa hoàn cầu của họ.

Trường hợp VN hiện nay cũng chịu sự chi phối của các tương quan lực lượng thế giới và cũng phải tự củng cố lại guồng máy đấu tranh chính trị để đưa vấn đề lên một tầm mức xứng đáng: chiến tranh tự vệ.

Như đã trình bày trong phần II, chúng tôi thử vẽ ra sự phối trí giữa các lực lượng chính trị như một sự phân bổ đa đảng tốt chế điều hợp trong đó hai đảng: đảng Dân Chủ và Mặt Trận giải Phóng sẽ đóng vai trò đảng cực hữu và đảng cực tả, lúc ấy đảng tiết chế thứ ba sẽ gồm tập hợp các đảng phái thứ ba như Liên Minh Dân Chủ Xã Hội, đảng Tự Do, đảng Đại Việt, đảng Việt Quốc... Nhiều người hy vọng rằng sự kết hợp chánh đảng quốc gia trong giai đoạn này sẽ tự nó thành tựu nhờ vào nhu cầu sinh tồn của các đảng phái quốc gia trước đe dọa của cộng sản. Nhưng dù sao đó cũng chỉ là hy vọng, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh chính trị sắp tới phải nhờ vào trước hết tự các

chánh đảng thứ đến là khung cảnh sinh hoạt pháp chế và thực tại và vai trò chính quyền sẽ chi phối mạnh mẽ. Vấn đề quan trọng là chính quyền có cởi mở với các chánh đảng quốc gia hay không? Sự hợp tác tương thuận giữa chính quyền và chánh đảng trong giai đoạn hiện tại mới hy vọng tạo được những phương tiện thuận lợi cho phe quốc gia trong giai đoạn cực kỳ quan trọng sắp tới.

Kết luận của tập luận văn nhỏ bé này với sự xây dựng bằng nỗi ước vọng hũa bình của người viết cũng như của toàn thể dân tộc VN đã nung nấu từ bao nhiêu năm nay, chờ đợi một ngày mai tươi sáng hân hoan. Lúc ấy vai trò chánh đảng không phải chống cộng mà là hướng dẫn quần chúng trong chủ nghĩa quốc gia để xây dựng một quốc gia VN độc lập, hùng mạnh và thịnh vượng trong cộng đồng thế giới.

Saigon, tháng sáu 1974

THƯ TỊCH

- ALFRED DE GRAZIA . Chính-trị-học yếu lược.
Trung-Tâm Nghiên cứu Việt-Nam. Saigon 1953.
- BARNET, A DOAK . Chiến-lược Cộng-Sản tại Á Châu
Người dịch Đặng Tâm. Saigon 1957
- BÔNG, NGUYỄN VAN . Luật Hiến Pháp và Chính trị học
Saigon 1957
. Các vấn đề chính trị Việt Nam
Giảng văn Ban Đốc-Sự . Học Viện Quốc-Gia Hành-Chánh
- CẢNH, TRẦN VAN . VNCH trong cuộc đấu tranh chính trị
với Cộng-sản
Luận văn tốt nghiệp Ban Cao-Học. Trường QGHC
- CHÍ, HOÀNG VAN . Từ thực dân đến Cộng-sản
Chân Trời Mới
- DUVERGER, MAURICE . Les parties politiques
4. ed. Paris : Armand Colin 1961
. Chính trị nhập môn
Nguyễn văn Tạo dịch
Tế xuyên . Khai-Trí . 1967.
. Những chế độ chính trị hiện nay
- ĐÀO, VIỆT DÂN HOÀNG VAN . Việt-Nam Quốc Dân Quốc Dân Đảng
- ĐẠT, TRƯƠNG TIẾN . Hiến-Pháp Chủ-Thích
Saigon . Hòa Bình 1957
- HÀO, HOÀNG XUÂN . Phật-giáo và chính trị Việt Nam
Ngày nay.
Luận án Tiến sĩ Luật Khoa . Sai-gon .
- HÙNG, NGUYỄN MẠNH . Bang giao Quốc tế
- HUY, NGUYỄN NGỌC . Chính-Tri-Học
. Lịch sử Các Học Thuyết Chính trị
. Đề tài người và tú...

- HỒNG, NGHIÊM XUÂN . Lịch trình diễn tiến Phong trào Quốc-Giáo Việt-Nam . Saigon 1958
- . Cách Mạng và Hành Động. Tủ sách ti Tiến-Bộ
- HỖ, NGUYỄN TIẾN . Vấn Đề Đối lập chính-trị. Saigon 1970. Tủ Sách Dân Tự Tiến .
- KHÁNH, BÙI QUANG . Ý niệm Dân-chủ và những chính-thể Dân-chủ
- KHÁNH, NGUYỄN KIM . Vấn đề chánh đảng tại Việt Nam Hội CSV QGHC . Saigon 1969.
- KIM, TRẦN TRỌNG . Việt Nam sử lược. Tân-Việt . Saigon 1964
- LAI, NGUYỄN THÁI . Sửa tâm và khảo luận. Hội Nghiên-Cứu Hành-Chánh . Saigon 1971.
- PIKE, DOUGLAS . VietCong, Delhi: Atma Ram and Son , 1966.
- TÀI, TẠ VĂN . Các vấn-đề chính-trị Việt-Nam, Giảng văn Ban Đốc-sự , HVQGHC.
- . Phương-Pháp Khoa-học xã-hội
- THANH, TRẦN HỮU . Đấu tranh chính trị , Saigon 1970.
- TRẦN, TRẦN THỊ HOÀI . Các Lực Lượng chính trị, chánh đảng Saigon 1972.

- CÁC NHẬT BÁO:

Chính-Luận, Dân-Chủ, Sóng-Thần, Cấp Tiến, Sài-Thành
...

- CÁC TÀI LIỆU và NỘI SAN:

Đảng Dân-Chủ, Liên Minh Dân-Chủ Xã-Hội, Đảng Tự-Do, Đảng Cộng-Hoà, Lực-Lượng Dân-Chủ Xã-Hội Phật-Giáo Thống-Nhất Việt-Nam, Đảng Cấp-Tiến, Đảng Công-Nông...

- CÁC NGUYỆT-SAN và TẬP-CHÍ:

Quê-Hương, Tập-san Quốc-Phòng, Nghiên-cứu Hành-Chánh, Cấp-Tiến.